

## **CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84) 24 6269 0481 - Fax: (+84) 24 6269 0484

Website: <https://fecon.com.vn>

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023**



## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>2</b>
1.	<i>Thông tin khái quát</i> .....	2
2.	<i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i> .....	3
3.	<i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</i> .....	4
4.	<i>Định hướng phát triển</i> .....	9
5.	<i>Các rủi ro</i> .....	9
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	<b>11</b>
1.	<i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</i> .....	11
2.	<i>Tổ chức và nhân sự</i> .....	12
3.	<i>Tình hình thực hiện các dự án thi công và các dự án đầu tư</i> .....	18
4.	<i>Tình hình tài chính</i> .....	22
5.	<i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> .....	23
6.	<i>Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty</i> .....	25
<b>III.</b>	<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>27</b>
1.	<i>Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i> .....	27
2.	<i>Tình hình tài chính</i> .....	27
3.	<i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</i> .....	28
4.	<i>Kế hoạch kinh doanh năm 2023</i> .....	29
5.	<i>Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán</i> .....	29
6.	<i>Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty</i> .....	29
<b>IV.</b>	<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>29</b>
1.	<i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty</i> .....	29
2.	<i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc</i> .....	31
3.	<i>Các định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2023</i> .....	33
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	<b>34</b>
1.	<i>Hội đồng quản trị</i> .....	34
2.	<i>Ban kiểm soát</i> .....	40
3.	<i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát</i> .....	42
<b>VI.</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2022</b> .....	<b>45</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *04*./2023/BC-TCKT.FECON

Hà Nội, ngày *20* tháng *4* năm 2023

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
  - Quý cổ đông và nhà đầu tư

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần FECON (sau đây viết tắt là "Công ty" hoặc "FECON")
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0101502599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/06/2004, thay đổi lần thứ 32 ngày 14 tháng 01 năm 2022
- Vốn điều lệ : 1.574.390.050.000 đồng (Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 1.574.390.050.000 đồng (Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Địa chỉ : Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại : (+84) 24 6269 0481
- Số fax : (+84) 24 6269 0484
- Website : <https://fecon.com.vn>
- Mã cổ phiếu : FCN



**Quá trình hình thành và phát triển:**

- Tháng 18/6/2004: Thành lập Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON.
- Năm 2007: Tăng vốn điều lệ lên 39,63 tỷ đồng.
- Năm 2009: Tăng vốn điều lệ lên 87,997 tỷ đồng.
- Năm 2010: Tăng vốn điều lệ lên 107 tỷ đồng.
- Năm 2011: Tăng vốn điều lệ lên 128,4 tỷ đồng.
- Tháng 03/2012: Tăng vốn điều lệ lên 138,051 tỷ đồng.
- Tháng 06/2012 là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên chính thức trở thành Hội viên doanh nghiệp của Hội Xây dựng Hầm và Không gian ngầm Quốc tế (ITA-AITES).
- Tháng 07/2012: FECON chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam với mã cổ phiếu FCN.
- Tháng 05/2013: Thành lập Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn.
- Tháng 10/2013: Tăng vốn điều lệ lên 397,591 tỷ đồng.
- Năm 2014: Tăng vốn điều lệ lên 457 tỷ đồng.
- Năm 2016: Đổi tên thành Công ty Cổ phần FECON.
- Ngày 10/03/2017: Tăng vốn điều lệ lên 543,5 tỷ đồng.
- Ngày 12/02/2018: Tăng vốn điều lệ lên 943,4 đồng.
- Ngày 10/06/2019: Tăng vốn điều lệ lên 1.138,5 tỷ đồng.
- Ngày 17/10/2019: Tăng vốn điều lệ lên 1.195,4 tỷ đồng.
- Ngày 25/01/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.254,4 tỷ đồng.
- Ngày 14/01/2022: Tăng vốn điều lệ lên 1.574,4 tỷ đồng.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**2.1. Ngành nghề kinh doanh:**

Công ty hoạt động kinh doanh trong hai lĩnh vực chủ yếu là lĩnh vực thi công và đầu tư dự án, cụ thể như sau:

**a) Lĩnh vực thi công**

- Nền và móng: Khảo sát địa chất và thí nghiệm nền móng, Thí nghiệm nén tĩnh cọc khoan nhồi chịu tải trọng lớn, Thí nghiệm O-cell, Xử lý nền, Thi công cọc, Thi công cọc khoan nhồi và tường vây, Thi công hầm và kết cấu dưới.
- Công trình ngầm: Hồ đào sâu, Thi công đào hầm bằng khiên đào, kích đẩy, Xử lý nền, chống thấm công trình ngầm bằng công nghệ cao, Quan trắc trong quá trình xây dựng và vận hành.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng: Thi công cầu, đường cao tốc, đường sắt, Thi công cảng, đường thủy, Thi công hạ tầng công nghiệp và đô thị.



- Xây dựng dân dụng và công nghiệp: Xây dựng công trình công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, Xây dựng công trình nhà ở, phi nhà ở.

**b) Đầu tư dự án:**

- Đầu tư hạ tầng giao thông: Đường bộ, đường cao tốc, cảng, đường sắt, cầu.
- Đầu tư hạ tầng năng lượng: Điện mặt trời, điện gió, thủy điện, phát triển dự án điện khí LNG.
- Phát triển đô thị và khu công nghiệp: Khu công nghiệp xanh, khu đô thị sinh thái.

**2.2. Địa bàn kinh doanh:**

Địa bàn kinh doanh chính của Công ty là tại Việt Nam, ngoài ra Công ty đã và đang thực hiện một số dự án ở nước ngoài như Myanmar và Campuchia.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**3.1. Mô hình quản trị:**

Công ty Cổ phần FECON tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và tuân thủ theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật Doanh nghiệp. Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

**3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:**



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

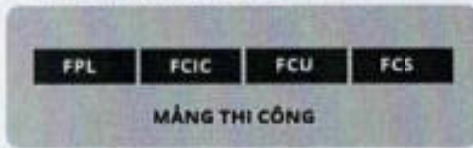
**BAN KIỂM SOÁT**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BAN KSNB**

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

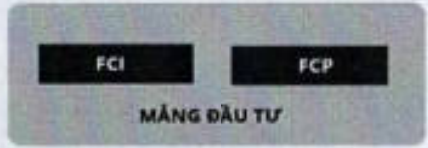
HỘI ĐỒNG CHẾ ĐỘ LƯƠNG  
KHỐI/BAN CHỨC NĂNG  
CÔNG TY THÀNH VIÊN



FPL: Công ty cổ phần Cọc và Xây dựng FECON  
FCIC: Công ty cổ phần Xây dựng hạ tầng FECON  
FCU: Công ty cổ phần Công trình ngầm  
FCS: Công ty cổ phần FECON South



HẢI ĐĂNG: Công ty cổ phần khoáng sản FECON HẢI ĐĂNG  
FMS: Công ty cổ phần Thiết bị FECON  
THPT Ý YÊN: Trường THPT Ý YÊN



FCI: Tổng công ty cổ phần Đầu tư FECON  
FCP: Công ty cổ phần năng lượng FECON

## 3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>I</b>	<b>Đầu tư vào các Công ty con</b>					
1	Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần công trình ngầm FECON)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	86,14%	99,93%	94,12%
2	Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1 (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm		99,89%	93,40%
3	Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc		99,89%	93,40%
4	Công ty Cổ phần Cọc và xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	93,50%	93,50%	93,50%
5	FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%
6	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON (trước là Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
7	Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (trước là Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON)	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%



STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
9	Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	57,90%	57,90%	57,90%
10	Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
11	Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Tư vấn đầu tư xây dựng	14,29%	99,99%	91,87%
12	Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh		97,22%	88,01%
13	FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%
14	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	99,999%	99,999%	96,59%
15	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	99,997%	99,997%	95,85%
16	Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	100%	100%	100%
17	Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng và bán bê tông	100%	100%	99,56%
18	Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (tỷ lệ	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự		51,00%	47,85%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
	sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Năng lượng FECON và Công ty Cổ phần Năng lượng ECOTECH Việt Nam)		án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.			
19	Công ty Cổ phần GF Homes (tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Đồng Tháp	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
20	Công ty Cổ phần GF Homes Bắc Ninh (tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Bắc Ninh	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
<b>II</b>	<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>					
1	Công ty Cổ phần FECON Miltec	Long An	Sản xuất sản phẩm từ plastic: bắc thảm, vải địa kỹ thuật và các sản phẩm khác từ plastic.		49,09%	49,09%
2	Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Hà Nội	Thi công xây dựng	49%	49%	28,4%
3	Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Hà Nội	Thi công xây dựng	49,10%	49,10%	49,10%
4	Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	48,83%	48,83%	48,83%
5	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Bắc Giang	Kinh doanh BĐS	36,00%	36,00%	36,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022



#### 4. Định hướng phát triển

##### Tầm nhìn

Trở thành Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2025.

##### Sứ mệnh FECON

FECON không ngừng học hỏi, sáng tạo nhằm mang đến giá trị bền vững cho xã hội thông qua các hoạt động xây dựng và đầu tư dự án.

##### Triết lý kinh doanh FECON

- Mọi hoạt động của Công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là: ích nước – lợi nhà;
- Mọi sản phẩm và dịch vụ dù là lớn hay nhỏ luôn làm thỏa mãn khách hàng;
- Chất lượng, hiệu quả, đúng hẹn để khắc ghi ấn tượng “Chuyên nghiệp” trong tâm thức của khách hàng;
- Tài sản quan trọng nhất của Công ty là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập;
- Văn hoá doanh nghiệp là niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng;
- Học tập, rèn luyện không ngừng để đổi mới và thích nghi là trách nhiệm của Công ty và của mỗi thành viên FECON.

#### 5. Các rủi ro

Trong năm 2022, các doanh nghiệp xây dựng nói chung phải đối mặt với hàng loạt khó khăn như giá hàng hoá, nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, thị trường bất động sản thị trường tài chính gặp khó khăn. Đứng trước những biến động của thị trường chung, FECON luôn xác định Quản trị rủi ro là hoạt động quan trọng giúp Công ty bảo vệ thành tựu tăng trưởng và thúc đẩy sự phát triển bền vững.

FECON tiếp tục duy trì và hoàn thiện các khung Quản trị rủi ro, tăng cường văn hóa quản trị rủi ro ở mọi góc độ từ vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh đến quản trị doanh nghiệp tại Công ty mẹ và tất cả các công ty thành viên trong Tập đoàn. Trên cơ sở theo dõi sát sao tình hình, đánh giá và phân tích, FECON xác định một số rủi ro chính và có các biện pháp ứng phó cụ thể.

##### 5.1. Rủi ro môi trường vĩ mô

Các vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam và trên thế giới như chính sách tiền tệ, lãi suất, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, biến động chính trị, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh ... có độ bao phủ rộng lớn tác động mạnh mẽ đến hoạt động kinh doanh của FECON.

Đối mặt với các vấn đề của môi trường vĩ mô, FECON luôn theo dõi thường xuyên sự biến động của các yếu tố cơ bản, các dấu hiệu sớm của thị trường để kịp thời đưa ra các biện pháp phù hợp và hiệu quả nhất.

Bên cạnh đó, FECON chú trọng dự báo các viễn cảnh của thị trường, xây dựng các kịch bản ứng phó phù hợp để luôn làm chủ tình thế, tránh những tổn thất và nắm bắt được các cơ hội do rủi ro môi trường vĩ mô đem lại.



## **5.2. Rủi ro hoạt động**

Rủi ro trong hoạt động xây dựng có thể xảy ra ở bất cứ khâu nào từ phát triển khách hàng, chào giá đấu thầu đến thi công nghiệm thu, bàn giao công trình. Rủi ro hoạt động đáng chú ý năm 2022 là tình trạng giá cả nguyên vật liệu xây dựng (thép, bê-tông, xi măng...) tăng cao, chuỗi cung ứng bị gián đoạn do ảnh hưởng của tình hình chính trị, kinh tế trong và ngoài nước. Để ứng phó với rủi ro này, FECON đã tích cực tìm kiếm, đa dạng hóa các nhà cung cấp mới tiềm năng với nguồn hàng hoá dồi dào, chất lượng và giá cả hợp lý; đồng thời phát triển hệ thống các nhà cung cấp, nhà thầu trung thành luôn sẵn sàng đồng hành cùng Công ty trong mọi thời kỳ.

Rủi ro về an toàn lao động luôn là rủi ro được ưu tiên ngăn chặn hàng đầu trong hoạt động thi công xây dựng. Với tôn chỉ “An toàn là trên hết”, FECON luôn thắt chặt việc áp dụng các quy trình, quy định về an toàn, đảm bảo công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân sự, thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo, đánh giá và kiểm tra công tác an toàn. Một trong những dấu ấn tiêu biểu trong năm 2022 của FECON đó là ghi nhận “3 triệu giờ lao động an toàn” - toàn Tập đoàn không xảy ra bất kỳ sự cố nào làm tổn thương đến sức khỏe của người lao động.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của ngành xây dựng các doanh nghiệp có quy mô đa dạng có xu hướng gia tăng mạnh mẽ, tạo áp lực cạnh tranh ngày càng lớn đối với Công ty. Để tăng tính cạnh tranh cũng như tạo vị thế trong lĩnh vực xây dựng, Ban Lãnh đạo FECON xác định rõ ràng mục tiêu, lợi thế cạnh tranh của Công ty, chủ động hợp tác với các đối tác có năng lực; phát triển khoa học công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại; cũng như đẩy mạnh áp dụng các phần mềm tiên tiến (PMIs, BIM, REVIT...) trong đấu thầu và điều hành dự án.

## **5.3. Rủi ro tài chính**

Thị trường tài chính năm 2022 trải qua nhiều biến động, gây ra nhiều khó khăn đối với các hoạt động thi công và đầu tư của FECON. Công ty tập trung quản trị vào 2 nhóm rủi ro tài chính bao gồm: Rủi ro thanh khoản và Rủi ro tín dụng.

## **5.4. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thiếu hụt tiền mặt để thanh toán nợ đến hạn hoặc tài trợ cho các hoạt động quan trọng và khẩn cấp... FECON tiếp tục nâng cao vai trò của Ban Tài chính Kế toán với sự hỗ trợ của Ban Quản lý chi phí và Dòng tiền trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch tài chính định kỳ, dự báo dòng tiền và các phương án dự phòng nguồn vốn từ tổng thể đến từng dự án.

## **5.5. Rủi ro tín dụng**

Năm 2022, FECON cũng như các doanh nghiệp xây dựng, bất động sản gặp phải nhiều khó khăn trong tiếp cận, vay vốn từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng; lãi suất vay cũng tăng mạnh dẫn đến khó khăn cho hoạt động thi công và đầu tư. Đối mặt với thực trạng trên, FECON đã nỗ lực đàm phán, làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính, mở rộng tìm kiếm các nguồn tín dụng khác để duy trì các chính sách tín dụng tốt có lợi cho Công ty.

## **5.6. Rủi ro về nhân sự**

FECON nhận định con người luôn là yếu tố cốt lõi và quan trọng nhất trong quá trình phát triển của Công ty. Rủi ro về chảy máu chất xám nguồn nhân lực, sự biến động về nhân sự



đặc biệt các vị trí cấp trung và cấp cao là những rủi ro được FECON quan tâm hàng đầu.

FECON đã tổ chức các chương trình đào tạo về kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý, chuyên môn cho nhân sự, không ngừng xây dựng và đào tạo đội ngũ nhân sự kế nhiệm; đề ra lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng cá nhân; đánh giá chính xác năng lực, công sức và có chế độ phúc lợi, lương thưởng xứng đáng; đồng thời, cộng tác với các trường đại học, các đối tác tuyển dụng uy tín để bổ sung những nhân tài và nguồn nhân lực trẻ trên thị trường.

Một trong các yếu tố quan trọng để phát triển và giữ chân nhân sự là Văn hóa doanh nghiệp. Công ty luôn đề cao nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp theo hướng nhân văn, cầu thị hướng thượng, có trách nhiệm cao với cộng đồng, mọi hoạt động đều được tổ chức một cách chuyên nghiệp đóng góp vào quá trình phát triển bền vững nền kinh tế nước nhà và đảm bảo cuộc sống hạnh phúc cho cán bộ nhân viên công ty và gia đình.

### **5.7. Rủi ro về quản trị thương hiệu**

Con đường duy nhất dẫn đến thành công trong kinh doanh là phải xây dựng được uy tín và thương hiệu tốt. Với chính sách phát triển bền vững của mình, FECON đã nâng cao hiểu biết về quản trị rủi ro thương hiệu trong nội bộ Công ty, tăng cường năng lực truyền thông và luôn đảm bảo tính minh bạch, chính xác trong công tác công bố thông tin nhằm tối đa hóa lợi ích kỳ vọng của các bên liên quan.

### **5.8. Rủi ro pháp lý**

Hệ thống pháp luật về xây dựng và bất động sản đang trong quá trình hoàn thiện và liên tục cập nhật, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp xây dựng & bất động sản và FECON không nằm ngoài vùng ảnh hưởng đó. Để giảm thiểu rủi ro pháp lý, FECON luôn luôn duy trì cập nhật, theo dõi liên tục các chính sách, văn bản pháp luật để có thể kiểm soát được các rủi ro về mặt pháp lý trong các hoạt động xây dựng đầu tư của mình.

FECON đã tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân sự pháp chế chuyên nghiệp; làm việc với các chuyên gia, đối tác luật chuyên nghiệp để có sự hỗ trợ và tư vấn kịp thời khi cần thiết.

Bộ phận Pháp chế tiếp tục đẩy mạnh công tác tham mưu tư vấn pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật tới các cán bộ nhân viên liên quan định kỳ hàng tháng.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2022 là năm có nhiều khó khăn, thách thức lớn, tác động xấu, nhiều mặt và ảnh hưởng rất nặng nề không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với toàn thế giới. Cuộc xung đột kéo dài Nga - Ukraine, các lệnh trừng phạt của Mỹ và các nước Phương Tây đối với Nga; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 tại Trung Quốc; thiên tai, lũ lụt, hạn hán kéo dài trên diện rộng ở Trung Quốc, các nước EU,... đã làm cho chuỗi cung ứng bị gián đoạn; giá dầu thô, lương thực, thực phẩm và nhiều vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng mạnh; lạm phát tăng cao đột biến ở nhiều quốc gia.

Ở trong nước, nền kinh tế phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức mới, nặng nề hơn sau đại dịch và chiến dịch phòng chống tham nhũng của Trung ương. Những diễn biến phức tạp, trái quy luật về giá cả hàng hoá, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất và xây dựng, nhất là giá xăng dầu và vật liệu xây dựng, dẫn đến chi phí đầu vào, chi phí vận tải tăng cao, ảnh hưởng

trực tiếp đến sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của đa số doanh nghiệp thuộc nhiều ngành & lĩnh vực khác nhau... Trong năm 2022, công tác kiểm tra giám sát đối với hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường bất động sản cũng được thắt chặt dẫn đến dòng tiền trên thị trường bị cạn kiệt, lãi suất cho vay của các ngân hàng/tổ chức tín dụng tăng cao, khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp bị hạn chế và chi phí tài chính tăng đột biến, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hầu hết các doanh nghiệp.

Không nằm ngoài tình hình chung của thị trường xây dựng, mặc dù Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc FECON đã nỗ lực hết mình trong cả năm qua nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty không đạt kế hoạch đặt ra đầu năm. Về hoạt động đầu tư, Công ty có những kết quả nhất định khi vào những ngày cuối năm, Công ty nhận được quyết định chủ trương đầu tư của 2 dự án trong đó có một khu đô thị và một cụm công nghiệp.

Đứng trước áp lực về chi phí, Công ty cũng đã mạnh dạn tái cấu trúc doanh nghiệp, cắt giảm 15% đội ngũ nhân sự, giảm đầu mỗi các công ty con và tập trung cao độ cho nhiệm vụ phát triển và quản lý hiệu quả dự án, duy trì vị thế Công ty trên thị trường xây dựng để sẵn sàng đón các cơ hội mới trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

Các chỉ tiêu tài chính đạt được ghi nhận trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của FECON như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 2022	Tăng trưởng 2022/2021
Doanh thu hợp nhất	tỷ đồng	3.484	5.000	3.046	61%	-13%
Doanh thu Công ty Mẹ	tỷ đồng	2.418	3.080	1.761	57%	-27%
LNST hợp nhất	tỷ đồng	71	280	52	19%	-27%
LNST Công ty Mẹ	tỷ đồng	48	80	60	75%	25%
LNST của cổ đông Công ty mẹ	tỷ đồng	68	259	40	15%	-41%
EPS hợp nhất	Đồng/CP	452	1.643	252	15%	-44%

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành

#### a) Danh sách Ban Tổng Giám đốc



TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc thường trực
3	Lê Quang Hanh	Phó Tổng giám đốc
4	Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng giám đốc
5	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
6	Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành của Ban Tổng giám đốc:

**[i] Ông NGUYỄN VĂN THANH – Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Thạc sỹ xây dựng tại Đại học Quốc gia Singapore (NUS)
- Quá trình công tác:
  - ✓ 2003 - 2005: Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà Hà Nội.
  - ✓ 2005 - 2006: Công tác tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam Lilama.
  - ✓ 2006 - 2009: Trợ lý Giám đốc dự án - Tập đoàn Kỹ thuật và Xây dựng Kim Seng Heng – Singapore.
  - ✓ 2009 - 2011: Tư vấn Trưởng dự án – Công ty Tư vấn QLDA CDG – Singapore.
  - ✓ 2011 - 2017: Giám đốc kinh doanh – Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.
  - ✓ 2017: Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần FECON.
  - ✓ 11/2018 - nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON.
- Sở hữu cá nhân: 258.693 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,16%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

**[ii] Ông NGUYỄN QUỐC BẢO – Phó Tổng Giám đốc thường trực**

- Năm sinh: 1985.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sỹ kỹ thuật và công nghệ chuyên ngành Xây dựng tại Liên bang Nga (Trường Đại Học Quốc Gia Tam Bốp)
- Quá trình công tác:
  - ✓ 2011-2012: Kỹ sư thiết kế - Công ty VSL Việt Nam

- ✓ 2012-2013: Phó Giám đốc kế hoạch - Công ty Forio JSC
- ✓ 2013-2018: Chi huy trưởng, Đội trưởng đội QLDA, Trưởng Ban Dự án 2 Công ty Cổ phần FECON
- ✓ 2018 - nay: Phó Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần FECON.
- Sở hữu cá nhân: 59 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

**[iii] Ông LÊ QUANG HANH – Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 1978.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Phó Giáo sư ngành Giao thông vận tải. Tiến sĩ kỹ thuật Trường Đại học Kỹ thuật Tổng hợp Darmstadt (Đức)
- Quá trình công tác:
  - ✓ 2000-2003: Công tác tại Công ty tư vấn Thăng Long – Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long
  - ✓ 2003-2010: Giảng viên Trường Đại học Giao thông Vận tải
  - ✓ 2006-2009: Trợ lý nghiên cứu – Đại học Technische Universitaet Darmstadt (Đức)
  - ✓ 2011-2014: Viện Trưởng Viện Nền móng và Công trình ngầm FECON
  - ✓ 2015 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON.
  - ✓ Từ tháng 4/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- Sở hữu cá nhân: 78 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

**[iv] Ông TẠ CÔNG THANH VINH – Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 1985.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sỹ Địa chất công trình Trường Gadjah Mada Ijazah (Indonesia)
  - ✓ 2010 - 2013: Quản lý Kỹ thuật tại Menard SNC
  - ✓ 2013 - 2014: Trưởng phòng Đại diện phía Nam, Chi huy trưởng/ GD DA, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON
  - ✓ 2014 - 2016: Giám đốc kỹ thuật, Công ty Cổ phần FECON
  - ✓ 2016 - 2019: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Giám đốc Công ty Cổ phần FECON SOUTH
  - ✓ Từ 2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- Sở hữu cá nhân: 7 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,0%



- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

**[v] Ông NGUYỄN THANH TÙNG – Phó Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 1981.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Schidler College of Business
- Quá trình công tác:
  - ✓ 2004 - 2005: Kỹ sư Xây dựng Công ty TNHH Tư vấn thiết kế CIMAS/CTCI
  - ✓ 2005 - 2014: Kỹ sư Xây dựng Vamed Engineering GMBH & Co
  - ✓ 2015: Quản lý dự án Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA
  - ✓ 2016 - 2018: Giám đốc điều hành Công ty Hạ tầng Econs Việt Nam
  - ✓ 10/2018 - 11/2019: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng công nghiệp
  - ✓ 12/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

**[vi] Ông ĐỖ MẠNH CƯỜNG – Phó Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 1977.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Tốt nghiệp ngành Xây dựng cầu hầm – Đại học Giao thông vận tải
- Quá trình công tác:
  - ✓ 2000 - 2003: Kỹ sư thiết kế Công ty Cổ phần TVTK Cầu lớn hầm – TEDI
  - ✓ 2003 - 2005: Kỹ sư cầu Liên doanh tư vấn Nippon Koei – TEDI
  - ✓ 2005 - 2007: Trưởng nhóm kỹ sư Việt Nam mảng kết cấu cầu, cống, công trình trên biển.
  - ✓ 08/2007 - 09/2008: Kỹ sư thiết kế Công ty Cổ phần TVTK cầu lớn Hầm – TEDI
  - ✓ 10/2008 – 09/2010: Phó kỹ sư thường trú (trưởng nhóm kỹ sư Việt nam) Liên danh tư vấn OC – TEDI – APECO
  - ✓ 09/2010 – 10/2014: Phó trưởng phòng Cầu 4 Công ty Cổ phần TVTK Cầu lớn Hầm TEDI
  - ✓ 10/2014 – 07/2016: Trưởng phòng Kinh tế - kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng FCC
  - ✓ 07/2016 – 07/2019: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON
  - ✓ 07/2019 – 05/2020: Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng và phát triển đô thị FECON
  - ✓ 06/2020 – Nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON.
- Sở hữu cá nhân: 10.159 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,006%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

**b) Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị NghiêN	Giám đốc tài chính
2	Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành của Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng:

**[i] Bà NGUYỄN THỊ NGHIÊN – Giám đốc Tài chính**

- Năm sinh: 1976.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sĩ Tài chính tại Đại học Kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
  - ✓ 07/2011 - 04/2015: Phó Phòng kế toán Thống kê Tài chính Công ty viễn thông liên tỉnh
  - ✓ 05/2015 - 12/2016: Trợ lý TGD về Tài chính Công ty Cổ phần FECON
  - ✓ 05/2015 - 09/2018: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON
  - ✓ 09/2018 - 08/2019: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON
  - ✓ 09/2019 - 4/2022: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON
  - ✓ 04/2022 – nay: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần FECON
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

**[ii] Ông PHẠM VĂN TÙNG – Kế toán trưởng**

- Năm sinh: 1987.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế tài chính- Ngân hàng tại Đại học Kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
  - ✓ 06/2011 - 06/2017: Kế toán viên Công ty Cổ phần ACC-244 thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC, Bộ Quốc phòng
  - ✓ 07/2017 - 03/2019: Kế toán ngân hàng Công ty Cổ phần FECON
  - ✓ 05/2019 - 11/2021: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1
  - ✓ 11/2021 - 03/2022: Phó ban Tài chính kế toán Công ty Cổ phần FECON
  - ✓ 04/2022 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON

- Sở hữu cá nhân: 63 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

**c) Những thay đổi trong Ban điều hành**

- Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc

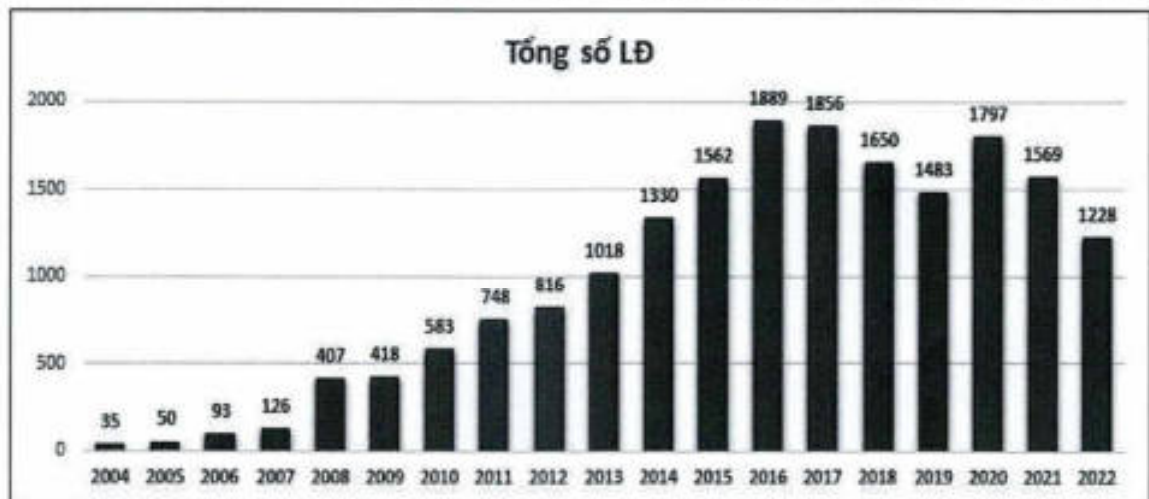
Trong năm 2022, không có thay đổi nào liên quan đến thành viên trong Ban Tổng Giám đốc.

- Những thay đổi liên quan đến Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Bà Nguyễn Thị Nghiên	1976	Thạc sỹ Tài chính	Miễn nhiệm Kế toán trưởng ngày 15/04/2022
2	Ông Phạm Văn Tùng	1987	Thạc sỹ Kinh tế tài chính- Ngân hàng	Bổ nhiệm Kế toán trưởng ngày 15/04/2022

**d) Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động**

**Tổng số lượng lao động Công ty đến thời điểm 31/12/2022**



Tổng số nhân sự tại FECON năm 2022 là 1.228 người, giảm 15% so với năm 2021 do Công ty thực hiện triển khai tái cấu trúc một số đơn vị theo hướng tinh gọn đội ngũ nhân sự, tăng năng suất lao động.

**2.2. Tóm tắt chính sách nhân sự và các điều chỉnh trong chính sách đối với người lao động trong chính sách nhân sự:**

Song song với việc phát triển kinh doanh, FECON luôn chú trọng ổn định và phát triển các nguồn lực nội bộ trong đó có nguồn lực về nhân sự. Các chính sách đối với người lao động tập trung xây dựng các chính sách về lương, thưởng, phúc lợi phù hợp và cạnh tranh với thị



trường nhằm thu hút, khích lệ và động viên người lao động, ghi nhận sự đóng góp của cá nhân đối với tổ chức đồng thời thiết lập hệ thống đánh giá nhằm đảm bảo việc chi trả chế độ chính xác, công bằng.

Trong năm 2022, FECON tiếp tục có những điều chỉnh kịp thời trong chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy năng suất và đóng góp của người lao động, trong đó chính sách thu nhập dành cho khối quản lý dự án tiếp tục được nghiên cứu cải tiến với cơ chế lương thưởng rõ ràng. Chính sách nhân sự mới cũng đã được sửa đổi bổ sung và ban hành bản cập nhật của năm 2022, sau 01 năm ban hành chính sách nhân sự mới từ 2021 và bổ sung thêm nội dung Chính sách phòng chống tham nhũng để đảm bảo tính minh bạch và phát triển bền vững của FECON.

Cùng với đó, Ban lãnh đạo luôn coi trọng và đầu tư cho các công tác về đào tạo, coi đào tạo phát triển là một trong những chiến lược nhân sự cốt lõi nhằm phát triển doanh nghiệp bền vững. Năm 2022, mô hình học tập trong toàn tập đoàn được đẩy mạnh, không chỉ gắn kết người lao động với tổ chức mà còn là động lực thúc đẩy người lao động phát triển bản thân. Các chương trình đào tạo phát triển đã và đang được xây dựng đang có những kết quả bước đầu như: nâng cao chất lượng đội ngũ thể hiện rõ trong năng suất và hiệu quả công việc được nâng cao, khả năng thích ứng với những thay đổi của tổ chức đặc biệt trong giai đoạn đang mở rộng thêm phạm vi và các loại hình kinh doanh, đồng thời đào tạo nhóm nhân sự tiềm năng trở thành nhóm nguồn lực kế cận nhằm đảm bảo tính ổn định của tổ chức.

Năm 2022 là năm mà toàn bộ hoạt động kinh tế xã hội vẫn khó khăn, từng bước thích ứng, thay đổi để khôi phục sau sự ảnh hưởng sâu sắc của dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, FECON vẫn duy trì Quỹ tình đồng đội, các hoạt động an sinh, trách nhiệm xã hội của Công ty đối với từng cá nhân và gia đình người lao động (ngày Thương binh liệt sỹ 27/7, gia đình khó khăn), các hoạt động đoàn thể (nhân dịp 08/03, 20/10, tết thiếu nhi...), các chương trình tôn vinh cá nhân, tập thể (thường danh hiệu, thưởng sáng kiến...). Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục duy trì các chương trình nhằm bảo vệ sức khỏe của cán bộ nhân viên, đồng hành cùng với các chương trình phòng chống Covid-19 của Chính phủ như: Tuyên truyền, hướng dẫn và nhắc nhở cán bộ nhân viên về việc tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch, hướng dẫn cách ly, chăm sóc sức khỏe theo hướng dẫn của Bộ Y tế, mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ cho các vị trí Lãnh đạo quản lý trong năm 2022.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước liên quan đến người lao động.

### **3. Tình hình thực hiện các dự án thi công và các dự án đầu tư**

#### **3.1. Tình hình thực hiện các dự án thi công lớn**

Nền và Móng - tiếp tục thể hiện vai trò mũi nhọn doanh thu đem về nhiều dự án giá trị lớn đóng góp vào doanh thu chung của hệ thống.

**[i] Dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3-4:** Một trong những dự án trọng điểm của FECON với gói thầu “*Thi công nền móng và hạ tầng*” có tổng giá trị đạt 418 tỷ đồng. Tại dự án này, FECON đảm nhiệm phần thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và thi công xử lý nền dự án.

Cuối tháng 6/2022, dự án đã chính thức khởi công. Ban xây dựng Công nghiệp 3 được giao phụ trách dự án với tổng thời gian thi công dự kiến là 370 ngày. Trong thời gian đầu



thi công, hạng mục cấm bắc thăm và thi công cọc CDM sẽ do đơn vị thành viên - Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON (FCIC) thực hiện. Để đảm bảo tiến độ cho dự án, FCIC đã huy động nhiều máy móc hiện đại cùng hơn 200 kỹ sư, công nhân tập trung tại dự án.

Tại gói thầu này, FECON được Tổng thầu và Chủ đầu tư đánh giá cao về năng lực thi công cũng như sự chuyên nghiệp trong công tác vận hành tại các dự án lớn. Với những gì đã thể hiện và được ghi nhận, FECON kỳ vọng sẽ tiếp tục trúng thêm các gói thầu khác tại dự án trọng điểm Quốc gia này.

Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 - 4 là dự án quan trọng Quốc gia, thuộc quy hoạch điện 7, có công suất 1.500MW với tổng mức đầu tư 1,4 tỷ USD. Việc tham gia vào dự án “tỷ đô” như Nhơn Trạch 3 - 4 đã phần nào khẳng định uy tín và năng lực thi công của FECON.

**[ii] Dự án Nhiệt điện Vũng Áng II:** Cuối tháng 5/2022, FECON ghi nhận thêm gói thầu thứ 4 tại dự án này – Thi công công hộp đỡ tại chỗ với giá trị đạt 239 tỷ đồng. Được biết đây là một trong những hạng mục thi công xây dựng đòi hỏi yêu cầu cao về kỹ thuật và chất lượng. Tiếp theo đó, cũng tại dự án này, FECON tiếp tục trúng thêm gói thầu “*Thi công công hộp đúc sẵn*” trị giá 169 tỷ đồng.

Việc liên tiếp trúng thêm các gói thầu tại dự án thể hiện sự tin tưởng của khách hàng dành cho FECON ở lĩnh vực Nền và móng. Ngay từ khi bắt đầu triển khai dự án này, FECON đã đảm nhiệm các phần việc từ khảo sát địa chất, thi công cọc thử và san lấp mặt bằng, cho đến thi công các hạng mục xây dựng phức tạp đòi hỏi kỹ thuật cao.

Đây cũng là dự án lớn, với tổng vốn đầu tư khoảng 2,2 tỷ USD. FECON kỳ vọng sẽ ký thêm nhiều gói thầu mới tại dự án, góp phần gia tăng doanh thu năm 2023 của Tập đoàn.

**[iii] Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hoà Phát – Dung Quất (Giai đoạn 2):** Tháng 3/2022, FECON ghi nhận 02 gói thầu đầu tiên tại “siêu dự án” Hoà Phát – Dung Quất giai đoạn 2, với tổng giá trị đạt hơn 152,9 tỷ đồng. Tại đây, FECON tiếp tục thể hiện năng lực thi công nền và móng xuất sắc với hạng mục xử lý nền tại dự án bến cảng tổng hợp Hoà Phát và gói thầu cọc khoan nhồi tại Khu liên hợp sản xuất gang thép Hoà Phát – Dung Quất. Đến tháng 5/2022, FECON tiếp tục được chủ đầu tư tin tưởng giao thêm gói thầu trị giá 168 tỷ đồng, đảm nhiệm thi công Hạ tầng và Thi công cọc khoan nhồi, cọc PHC tại dự án này.

Siêu dự án Hoà Phát – Dung Quất 2 có tổng mức đồng tư 85.000 tỷ đồng. Đây được xem là một trong những dự án trọng điểm mà FECON tham gia trong năm 2022.

**[iv] Dự án Grand Mercure Hội An:** Điểm sáng trong mảng xây dựng dân dụng với hợp đồng nguyên tắc được ký kết trị giá 650 tỷ đồng. FECON đóng vai trò là Tổng thầu thi công hạ tầng kỹ thuật và kết cấu thô khối công trình khách sạn, căn hộ du lịch cho dự án với quy mô 7 ha, bao gồm 118 căn villa và 785 căn hộ khách sạn.

Tháng 3/2022, Công ty tiếp tục nhận thêm gói thầu tại dự án với giá trị hợp đồng 121,5 tỷ đồng. Ngay từ khi khởi công dự án, FECON đã tập trung nguồn lực tối ưu, ứng dụng công nghệ để thi công dự án đúng tiến độ theo hợp đồng đã ký kết, với mục tiêu đạt yêu cầu hoàn hảo về chất lượng, kỹ thuật và thẩm mỹ cho dự án.

Trong quá trình thi công, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do thời tiết, nguyên vật liệu,... nhưng Ban điều hành dự án vẫn nỗ lực thi công, không ngại tăng ca để đảm bảo tiến độ. Việc FECON tham gia dự án với vai trò Tổng thầu thi công hạ tầng kỹ thuật tại dự án này không chỉ giúp các cán bộ học hỏi, trau dồi kỹ năng quản lý tổng thể dự án, nâng cao chất lượng đội ngũ, mà còn giúp đưa thêm 1 dự án lớn vào danh mục thi công hạ tầng dự án xây dựng dân dụng trong hồ sơ năng lực của Công ty.

**[v] Dự án Nhà máy xử lý nước thải Nhiêu Lộc - Thị Nghè:** Tại dự án này, FECON đảm nhận công tác thi công cọc CDM và cọc PHC – những thế mạnh của Công ty từ nhiều năm nay. Tổng giá trị gói thầu mang về đạt 111 tỷ đồng.

Dự án nhà máy xử lý nước thải Nhiêu Lộc – Thị Nghè do Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô thị TP.HCM là chủ đầu tư, thực hiện tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TPHCM. Dự án được triển khai với diện tích 38,4 ha, đây là nhà máy xử lý nước thải có quy mô lớn nhất cả nước, với công suất 480.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và có tổng vốn đầu tư xây dựng nhà máy là 5.466,2 tỉ đồng (tương đương 235,1 triệu USD).

### **3.2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:**

Về tổng thể, 2022 là năm có nhiều thách thức lớn trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, Công ty chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực bởi sự suy giảm kinh tế sau dịch bệnh Covid-19, chiến tranh Nga - Ukraine cũng như sự biến động bất thường của thị trường tài chính- tiền tệ toàn cầu. Tại Việt Nam, nửa cuối năm 2022 là thời kỳ trầm lắng của thị trường bất động sản, hàng loạt những chính sách thắt chặt về tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp cùng với các sự việc liên quan đến tuân thủ pháp luật của một số các doanh nghiệp đã khiến tâm lý chung trên thị trường e ngại, các giao dịch bị trì hoãn.

Trong những ngày cuối năm 2022, FECON có những điểm sáng trong công tác đầu tư và phát triển dự án. Cụ thể là đã được công nhận là Chủ đầu tư Dự án Cụm công nghiệp Danh Thắng - Đoàn Bái tại Bắc Giang vào ngày 26/12/2022, nối tiếp sau đó là dự án Khu đô thị Nam Thái (Square City) tại Phổ Yên - Thái Nguyên vào ngày 30/12/2022.

Bên cạnh đó, với mục tiêu hiện thực hóa kế hoạch lợi nhuận, việc quyết tâm thoái vốn 2 dự án năng lượng Vĩnh Hảo 6 và Quốc Vinh – Sóc Trăng cũng đã có kết quả nhất định:

[i] Dự án nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 đã hoàn tất việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vào ngày 20/10/2022 với nhà đầu tư.

[ii] Dự án nhà máy điện gió Quốc Vinh – Sóc Trăng đang đi đến thống nhất những điều khoản cuối cùng để chốt hợp đồng mua bán với nhà đầu tư.

### **3.3. Tình hình tài chính các công ty con, công ty liên kết:**



STT	Tên Công ty	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>		
1	Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	57,0	23,6
2	Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	176,9	48,1
3	Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	49,8	-10,9
4	Công ty Cổ phần cọc và xây dựng FECON	419,2	88,2
5	FECON Trung Chính Myanmar	20,0	16,0
6	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	458,1	99,7
7	Trường THPT Ý Yên	9,0	8,0
8	Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	1.297,0	624,6
9	Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	499,6	303,4
10	Công ty Cổ phần FECON SOUTH	382,5	122,8
11	Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON	1.695,0	360,8
12	Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê	98,6	97,6
13	FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	13,8	13,8
14	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	149,0	103,0
15	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam	382,5	298,4
16	Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	1,5	1,5
17	Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI	36,3	24,1
18	Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	1.279,3	435,5
19	Công ty Cổ phần GF Homes	4,1	4,1
20	Công ty Cổ phần GF Homes Bắc Ninh	40,0	40,0
<b>II</b>	<b>Công ty liên kết</b>		
1	Công ty Cổ phần FECON Miltec	17,5	-0,005
2	Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	179,0	15,9
3	Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	24,3	-5,1
4	Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	2,7	2,7
5	Công ty Cổ phần Fecon Hòa Yên	50,1	50,1

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	7.495.704.578.583	7.580.974.010.059	1,1
2	Doanh thu thuần	3.484.219.388.593	3.045.529.728.963	-12,6
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	111.051.644.600	54.852.472.525	-50,6
4	Lợi nhuận khác	-1.233.813.393	23.453.749.887	
5	Lợi nhuận trước thuế	109.817.831.207	78.306.222.412	-28,7
6	Lợi nhuận sau thuế	70.781.785.768	51.600.579.029	-27,1
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	3% (bằng tiền)	(*)	

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022)

Tổng Tài sản của Công ty năm 2022 tăng trưởng 1,1% so với năm trước, đạt 7.580 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong năm đạt gần 52 tỷ đồng, giảm 27,1% so với cùng kỳ. Tuy vậy, kết quả trên cũng đã thể hiện sự nỗ lực cao của Công ty trong bối cảnh ngành xây dựng gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng gộp của suy thoái kinh tế hậu Covid-19, sự tăng giá mạnh của nguyên vật liệu và chính sách tài chính thắt chặt,... Mặc dù lợi nhuận suy giảm nhưng Công ty vẫn nỗ lực để duy trì tỷ lệ cổ tức không thấp hơn tỷ lệ cổ tức năm 2021 ((\*) Hội đồng quản trị đã gửi Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt tỷ lệ trả cổ tức năm 2022 là tối đa 5% (bằng tiền)).

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,50	1,66
2	Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	1,01	1,13
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,61	0,54
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,56	1,18
5	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	2,24	1,61
6	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,49	0,40
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,0	1,7



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,6	1,6
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,0	0,7
10	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,2	1,8

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2022 đều lớn hơn 1 thể hiện khả năng thanh toán tốt của Công ty. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 2,24 xuống 1,61 trong năm 2022 do một phần sản lượng thi công của Công ty chưa được chủ đầu tư/nhà thầu chính nghiệm thu. Công ty đang tích cực triển khai các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu, theo đó giảm tỷ trọng giá trị hàng tồn kho trên tổng tài sản. Các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời (chỉ tiêu 7-10) đều giảm xuống so với năm 2021 nguyên nhân chủ yếu là do năm 2022 thị trường ngành xây dựng gặp nhiều khó khăn, doanh thu thuần giảm do tiến độ triển khai các dự án bị chậm, đồng thời, giá vốn của một số dự án tăng so với dự kiến ban đầu bởi giá nguyên vật liệu tăng bất thường và chi phí nhân công cũng liên tục tăng trong năm qua dẫn đến lợi nhuận Công ty suy giảm.

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số lượng cổ phần đang lưu hành	157.439.005
2	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	125.439.005
3	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	32.000.000
	<b>Tổng số</b>	<b>157.439.005</b>

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần tương ứng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/VĐL thực góp
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>20.438</b>	<b>105.359.003</b>	<b>1.053.590.030.000</b>	<b>66,9%</b>
1.1	Cổ đông là tổ chức	35	16.639.118	166.391.180.000	10,6%
1.2	Cổ đông là cá nhân	20.403	88.719.885	887.198.850.000	56,3%
1.3	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0,0%
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>155</b>	<b>52.080.002</b>	<b>520.800.020.000</b>	<b>33,1%</b>
2.1	Cổ đông là tổ chức	23	51.442.848	514.428.480.000	32,7%
2.2	Cổ đông là cá nhân	132	637.154	6.371.540.000	0,4%
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>20.593</b>	<b>157.439.005</b>	<b>1.574.390.050.000</b>	<b>100,0%</b>

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/03/2023)



**Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022**

TT	Tên cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	CÔNG TY CỔ PHẦN RAITO KOGYO	CB9736	06/03/2019	40.167.682	25,51%
2	QUỸ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG RED ONE	41/GCN-UBCK	01/11/2021	16.000.000	10,16%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại 31/12/2022: 75%.

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

STT	Thời điểm thay đổi	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Ghi chú
1	18/06/2004	5.000.000.000	5.000	Cổ phần phổ thông	Mệnh giá: 1.000.000 đồng
2	30/06/2006	10.000.000.000	10.000	Cổ phần phổ thông	
3	10/08/2007	50.000.000.000	5.000.000	Cổ phần phổ thông	Mệnh giá: 10.000 đồng
4	16/09/2009	88.000.000.000	8.800.000	Cổ phần phổ thông	
5	17/11/2010	107.000.000.000	10.700.000	Cổ phần phổ thông	
6	04/11/2011	128.400.000.000	12.840.000	Cổ phần phổ thông	
7	17/05/2012	138.051.620.000	13.805.162	Cổ phần phổ thông	
8	18/04/2013	165.663.280.000	16.566.328	Cổ phần phổ thông	
9	18/10/2013	397.591.180.000	39.759.118	Cổ phần phổ thông	
10	18/06/2014	457.228.540.000	45.722.854	Cổ phần phổ thông	
11	18/11/2016	477.228.540.000	47.722.854	Cổ phần phổ thông	
12	10/3/2017	494.994.220.000	49.499.422	Cổ phần phổ thông	
13	28/7/2017	543.529.160.000	54.352.916	Cổ phần phổ thông	
14	10/4/2018	873.529.160.000	87.352.916	Cổ phần phổ thông	
15	12/6/2018	898.529.160.000	89.852.916	Cổ phần phổ thông	

STT	Thời điểm thay đổi	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Ghi chú
16	12/12/2018	943.445.620.000	94.344.562	Cổ phần phổ thông	
17	10/06/2019	1.138.477.420.000	113.847.742	Cổ phần phổ thông	
18	17/10/2019	1.195.388.930.000	119.538.893	Cổ phần phổ thông	
19	25/01/2021	1.254.390.050.000	125.439.005	Cổ phần phổ thông	
20	14/01/2022	1.574.390.050.000	157.439.005	Cổ phần phổ thông	

#### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

#### 5.5. Các chứng khoán khác

Trong năm 2022, Công ty thực hiện 01 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với thông tin cụ thể như sau:

- Tổng số lượng trái phiếu phát hành: 150.000 Trái phiếu
- Tổng giá trị trái phiếu phát hành: 150.000.000.000 đồng
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm bằng tài sản, không phải là nợ thứ cấp.
- Kỳ hạn: Tối đa 18 tháng kể từ ngày phát hành
- Ngày phát hành: 13/06/2022
- Ngày đáo hạn: 13/12/2023
- Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty.

### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

#### 6.1. Tác động lên môi trường

FECON luôn tập trung và chú trọng trong việc tuyên truyền về cách thức bảo vệ môi trường đối với cán bộ nhân viên trong Công ty đặc biệt từ những việc nhỏ như phân loại rác thải để tái chế, sử dụng tiết kiệm năng lượng, điện, nước, hạn chế sử dụng túi nilon, lựa chọn sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường,... Từ những hành động, việc làm như vậy sẽ góp phần hình thành lối sống tích cực trong cộng đồng cán bộ nhân viên trong Công ty nói riêng và xã hội nói chung.

#### 6.2. Tiêu thụ năng lượng

FECON đặc biệt quan tâm và chú trọng đến việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn nêu cao tinh thần và ý thức tuyên truyền trong hệ thống cán bộ nhân viên về việc giảm thiểu và tiết kiệm năng lượng, tận dụng các nguồn năng lượng tự nhiên và năng lượng tái chế để góp phần bảo vệ môi trường.



### 6.3. Tiêu thụ nước

Tiết kiệm tiêu thụ nước cũng luôn là một trong những vấn đề được FECON chú trọng. Công ty thường xuyên nêu cao khẩu hiệu tránh lãng phí nguồn nước sạch trong hệ thống cán bộ nhân viên.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2022 là: **1.228 lao động**.

"Con người là tài sản quý giá nhất" luôn là kim chỉ nam của FECON từ khi thành lập đến nay.

Năm 2022, khi nền kinh tế - xã hội dần trở lại sau 2 năm đại dịch Covid-19, FECON cũng nhanh chóng trở lại guồng quay của hoạt động sản xuất. Dù Covid-19 đã khiến nền kinh tế nói chung và FECON nói riêng chịu những thiệt hại nặng nề nhưng các chính sách phục lợi của Công ty đối với mỗi cán bộ nhân viên vẫn luôn được đảm bảo. Cụ thể, mỗi cán bộ nhân viên FECON vẫn luôn được quan tâm và hưởng đầy đủ các chính sách: lương, ngày sinh nhật, các dịp lễ tết,...như trước khi đại dịch để đảm bảo cuộc sống. Đây là một sự nỗ lực vô cùng lớn của Ban lãnh đạo công ty trong bối cảnh suy thoái kinh tế "hậu Covid-19".

Hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực vẫn được triển khai một cách linh hoạt trong năm 2022. Tiêu biểu nhất là Chương trình FECON Manager Summit 2022 với chủ đề "Leader Mindset" được tổ chức vào giữa năm 2022 dành cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong toàn hệ thống FECON. Đây là chương trình nằm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực Công ty, nhằm mang đến những tri thức quản trị tinh hoa, vừa giúp học viên nâng cao năng lực/tư duy quản lý, vừa có thể áp dụng để giải quyết các vấn đề hiện hữu của Công ty.

Với đội ngũ thi công - lực lượng sản xuất trực tiếp của FECON tại các dự án, trong năm 2022, Công ty cũng đã triển khai loạt chương trình "Tour Công Trường 2022" tại các công trường trọng điểm nhằm động viên khích lệ tinh thần làm việc của cán bộ nhân viên, lồng ghép các chương trình đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, kiến thức chuyên môn, kiến thức an toàn,... Đây là chương trình nhận được nhiều sự đón nhận và ủng hộ của các kỹ sư, công nhân tại các dự án, đồng thời, chương trình cũng đã tăng cường sự gắn kết đội ngũ công trường với nhau phát huy tinh thần đoàn kết để cùng đưa các dự án cán đích an toàn và thắng lợi.

Với những nỗ lực tạo dựng cho người lao động, FECON đã đạt được nhiều giải thưởng giá trị trong lĩnh vực tuyển dụng nhân sự, tiêu biểu như:

- TOP 50 Doanh nghiệp có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn 2022; trong đó, FECON xếp vị trí TOP 4 Doanh nghiệp trong ngành Xây dựng;
- TOP 3 Doanh nghiệp tiêu biểu có nguồn nhân lực hạnh phúc 2022
- TOP 10 Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động

### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Với tôn chỉ gắn sự phát triển của doanh nghiệp với sự phát triển của cộng đồng, dù vẫn còn chịu nhiều ảnh hưởng của “hậu Covid-19” nhưng FECON vẫn thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua việc đồng hành cùng các địa phương bằng các hoạt động thiết thực tổ chức như: chương trình tình nguyện “Áo ấm mùa đông” tại huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang; chương trình tặng quà cho các gia đình Thương binh – Liệt sỹ nhân ngày 27/7; chương trình tặng quà cho các học sinh nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Kỳ Lợi – Thị xã Kỳ Anh (Hà Tĩnh), chương trình tặng quà cho các gia đình chính sách tại xã Phước Khánh – Huyện Nhơn Trạch (Đồng Nai)

Cũng trong 2022, FECON triển khai chương trình Hiến máu nhân đạo với chủ đề “Gửi giọt hồng – Trao ngàn yêu thương” với sự hưởng ứng đông đảo cán bộ nhân viên tại khu vực Hà Nội. Chương trình nhằm đáp lại lời kêu gọi vận động hiến máu của Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương trong bối cảnh thiếu máu cung cấp cho các bệnh nhân đang điều trị tại các viện trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây dựng nói riêng như đã nói ở trên. Đây được coi là bão táp thử thách khả năng sinh tồn và khả năng thích nghi của các doanh nghiệp.

Trong bối cảnh khó khăn với những biến động khách quan khó lường của thị trường như vậy, kết quả doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2022 giảm lần lượt 13%, 27% so với cùng kỳ và không đạt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua, nhưng kết quả này cũng đã thể hiện sự nỗ lực, cố gắng đáng ghi nhận của Ban Tổng giám đốc FECON trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, mảng đầu tư trong năm 2022 cũng là điểm sáng, tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ hơn của lĩnh vực này trong những năm sắp tới, cụ thể: FECON đã nhận được quyết định trở thành Chủ Đầu tư cho 02 dự án: Dự án Cụm Công nghiệp Danh Thắng - Đoan Bái tại Bắc Giang diện tích 75 ha; Dự án khu đô thị Nam Thái (Square City) tại Phổ Yên - Thái Nguyên diện tích 24 ha và thực hiện chuyển nhượng thành công Dự án Điện mặt trời Vĩnh Hào 6.

Ngoài ra, dấu ấn trong năm 2022 còn được ghi nhận qua việc FECON liên tục ghi tên mình tại hàng loạt giải thưởng uy tín như: đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam 2022 cho lĩnh vực “Xây dựng hạ tầng ngầm”, TOP 10 Công ty uy tín ngành Xây dựng – Vật liệu xây dựng do VNR bình chọn, TOP 50 Doanh nghiệp có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn 2022 (trong đó, FECON xếp vị trí TOP 4 Doanh nghiệp trong ngành Xây dựng), TOP 3 Doanh nghiệp tiêu biểu có nguồn nhân lực hạnh phúc 2022, TOP 10 Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động.

#### **2. Tình hình tài chính**

##### **2.1. Tình hình tài sản**

**Biến động tài sản của Công ty**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	5.062.620.383.406	5.235.382.974.606	3,4
Tài sản dài hạn	2.433.084.195.177	2.345.591.035.453	-3,60
<b>Tổng tài sản</b>	<b>7.495.704.578.583</b>	<b>7.580.974.010.059</b>	<b>1,1</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022)

Tài sản ngắn hạn tăng 172,8 tỷ (+3,4%) chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn tăng 408,6 tỷ (+14,5%) so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, chỉ tiêu hàng tồn kho chưa có sự cải thiện so với cùng kỳ do một số hạng mục sản lượng thi công của Công ty chưa được chủ đầu tư/tổng thầu nghiệm thu, một phần nguyên nhân cũng bởi tình hình thị trường khó khăn đã tác động đến tình hình tài chính của các đơn vị này. Công ty hiện đang tích cực triển khai các giải pháp đẩy mạnh tiến độ nghiệm thu để giảm giá trị hàng tồn kho và đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn.

Tài sản dài hạn trong kỳ giảm 87,5 tỷ (-3,6%) chủ yếu là do tài sản cố định giảm 89,7 tỷ (-4,8%), nguyên nhân là do khấu hao của tài sản cố định hữu hình trong năm làm giảm giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình trong khi với tình hình khó khăn về thị trường xây dựng nên Công ty đầu tư tăng mới giá trị không đáng kể.

**2.2. Tình hình nợ phải trả**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% Tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	3.365.479.978.631	3.152.094.491.474	-6,3
Nợ dài hạn	1.201.043.299.905	945.555.085.715	-21,3
<b>Nợ phải trả</b>	<b>4.566.523.278.536</b>	<b>4.097.649.577.189</b>	<b>-10,3</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022)

Nợ ngắn hạn trong kỳ giảm 213,4 tỷ (-6,3%) chủ yếu do Phải trả người bán ngắn hạn giảm 339,1 tỷ (-32,3%) và Chi phí phải trả ngắn hạn giảm 308,2 tỷ (-66,1%) do tại thời điểm 31/12/2022 nhiều dự án lớn của Công ty đã cơ bản hoàn thành, Công ty đã thực hiện thanh toán cho các thầu phụ, nhà cung cấp. Nợ dài hạn trong kỳ giảm 255,5 tỷ (-21,3%) nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2022 công ty đã thanh toán một phần các khoản vay dài hạn từ các tổ chức tín dụng đã phát sinh từ các năm trước.

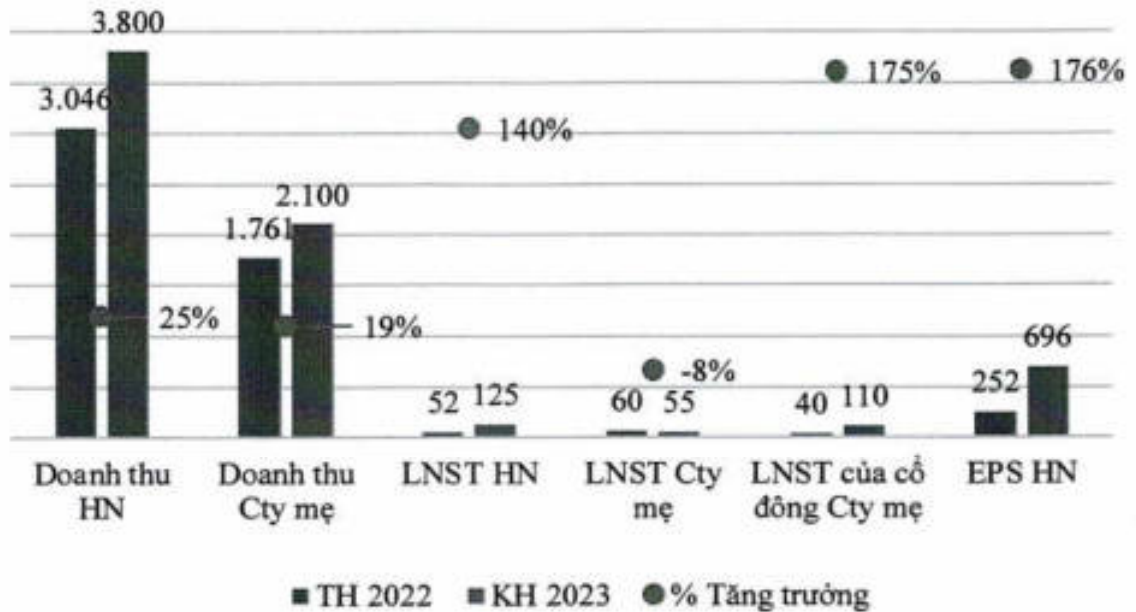
**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Công ty đang từng bước hoàn thiện cấu trúc doanh nghiệp theo định hướng chiến lược Tập đoàn 2020-2025. Nổi bật là việc tái cấu trúc các công ty thành viên, rà soát và tinh gọn bộ máy Công ty như: sáp nhập 3 Ban nền móng vào thành Ban Nền móng; sáp nhập Ban Xây dựng dân dụng công nghiệp 1 vào Ban Xây dựng công nghiệp 2 và đổi tên thành Ban Xây dựng công nghiệp; sáp nhập Văn phòng phía nam vào Công ty Cổ phần FECON South (FCS) và tái cấu trúc Công ty FCS;...



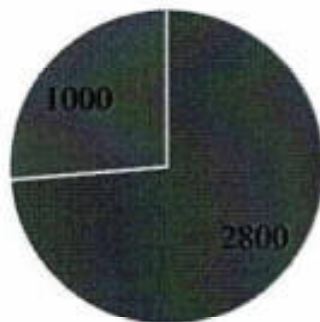
4. Kế hoạch kinh doanh năm 2023

Kế hoạch kinh doanh năm 2023 (tỷ đồng)



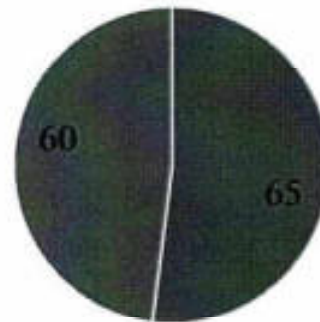
Kế hoạch kinh doanh năm 2023 theo mảng (tỷ đồng)

Doanh thu Hợp nhất 2023



- Nền móng và xây dựng
- Hạ tầng và Công trình ngầm

Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất 2023



- LNST từ hoạt động thi công
- LNST từ hoạt động đầu tư

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Như nội dung trình bày tại Mục II.6 của Báo cáo này.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Công tác điều hành & tổ chức

Mặc dù bối cảnh nền kinh tế năm 2022 có nhiều khó khăn nhưng hoạt động điều hành Công ty được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và đảm bảo tính ổn định liên tục. Công tác điều hành và phát triển tổ chức được thực hiện theo định hướng chiến lược đã đề ra cho giai đoạn 2020-2025 và đã được rà soát, cập nhật kế hoạch trung hạn cho giai đoạn 2023-2025 với mục tiêu trở thành Tập đoàn hàng đầu về xây dựng và phát triển hạ tầng tại Việt Nam.

Trong năm 2022, Công ty đã vận hành doanh nghiệp dựa trên các mảng kinh doanh chính và tiếp tục đẩy mạnh các công tác quản trị tập trung các chức năng kinh doanh, cung ứng, tài chính, quản trị nhân sự và xây dựng thương hiệu, phát triển văn hóa doanh nghiệp. Mảng đầu tư trong năm đạt được kết quả đáng khích lệ, đặc biệt trong công tác phát triển dự án.

Năm 2022, FECON đã ký kết 3.500 tỷ đồng giá trị hợp đồng mới, trong đó nổi bật với các dự án lớn, trọng điểm như: Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2 Hà Tĩnh, Dự án Nhiều Lọc – Thị Nghè TP HCM; Dự án cảng Lạch Huyện 5-6 Hải Phòng; Dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3-4 Đồng Nai; dự án Tổ hợp thép Hòa Phát Dung Quất giai đoạn 2 tại Quảng Ngãi,... Trong bối cảnh mà các Khách hàng, Chủ đầu tư cũng gặp rất nhiều khó khăn, số lượng dự án triển khai ít và quá trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện rất khắt khe thì giá trị các hợp đồng FECON đã ký kết mặc dù chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng đã thể hiện được sự ghi nhận và đánh giá cao của khách hàng về năng lực của FECON trên thị trường xây dựng, đặc biệt tại các dự án lớn có yêu cầu đặc biệt về chất lượng.

## **1.2. Hoạt động kinh doanh**

Các yếu tố ảnh hưởng khách quan đến từ nền kinh tế, thị trường bất động sản và thị trường tài chính đã ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường xây dựng như đã nêu trên là nguyên nhân căn bản tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của FECON. Kết thúc năm 2022, tổng tài sản FECON đạt 7.581 tỷ đồng, doanh thu hợp nhất 3.046 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất 52 tỷ đồng.

**Về lĩnh vực thi công:** Với các khó khăn về nguồn việc, trong năm Công ty đã và đang thực hiện thi công các Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2 Hà Tĩnh, Dự án Nhiều Lọc – Thị Nghè TP HCM; Dự án cảng Lạch Huyện 5-6 Hải Phòng; Dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3-4 Đồng Nai; dự án Tổ hợp thép Hòa Phát Dung Quất giai đoạn 2 tại Quảng Ngãi,... Chi phí đầu vào tăng cao dẫn đến hiệu quả của hầu hết các dự án không đạt lợi nhuận kế hoạch, thậm chí có những gói thầu bị lỗ. Đặc biệt một số dự án FECON đã ký hợp đồng nhưng chưa triển khai trong năm 2022 do chưa giải phóng mặt bằng hoặc chưa thu xếp được nguồn vốn như dự án Metro Line 3 Hà Nội gói thầu đào hầm và xử lý nền các ga ngầm, dự án nước thải Yên Xá Hà Nội gói thầu xử lý nền và đào các hố ga ngầm, dự án Khách sạn Đông Hương Thanh Hóa, dự án Khách sạn Golden Đà Lạt Lâm Đồng,...

Với tình hình thực hiện dự án đầy khó khăn như trên, dẫn đến FECON chỉ hoàn thành 61% kế hoạch doanh thu hợp nhất, 57% kế hoạch doanh thu Công ty mẹ, 19% kế hoạch lợi nhuận sau thuế hợp nhất và 75% kế hoạch lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ, chỉ tiêu EPS hợp nhất chỉ đạt 15% so với kế hoạch.

**Về lĩnh vực đầu tư:** Những nỗ lực từ mảng đầu tư từ nhiều năm trước đã bắt đầu có thành quả và đã đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2022. FECON đã thành công trong việc nhận được quyết định trở thành Chủ Đầu tư cho 02 dự án: Dự án Cụm Công nghiệp Danh Thắng - Đoàn Bái tại Bắc Giang diện tích 75 ha; Dự án khu đô thị Nam Thái (Square City) tại Phổ Yên - Thái Nguyên diện tích 24 ha và đã thực hiện chuyển nhượng thành



công Dự án Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 theo kế hoạch để thu về lợi nhuận cho Tập đoàn và sẵn sàng triển khai các dự án đầu tư mới. Dự kiến từ năm 2023 và các năm tiếp theo, lĩnh vực đầu tư sẽ có đóng góp đặc biệt cho kết quả kinh doanh của Công ty với việc tham gia đầu tư tại các Dự án mới tập trung trong 3 lĩnh vực chính, bao gồm: (i) Các dự án năng lượng tái tạo; (ii) Các dự án đô thị và khu công nghiệp; (iii) Các dự án hạ tầng giao thông.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

Mặc dù các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận FECON không đạt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua nhưng Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã có nhiều nỗ lực xử lý các tồn tại, khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó, bao gồm:

### **2.1. Đối với công tác vận hành tổ chức:**

Từng bước hoàn thiện cấu trúc doanh nghiệp theo định hướng chiến lược Tập đoàn giai đoạn 2020-2025; bước đầu triển khai các hành động chiến lược ưu tiên, đặt nền móng cho năm bản lề tiến đến sự phát triển của Tập đoàn giai đoạn mới. Nổi bật là việc rà soát, tinh gọn bộ máy Công ty như: sáp nhập 3 Ban nền móng vào thành Ban Nền móng; sáp nhập ban Xây dựng dân dụng công nghiệp 1 vào Ban Xây dựng công nghiệp 2 và đổi tên thành Ban Xây dựng công nghiệp; sáp nhập Văn phòng phía nam vào Công ty Cổ phần FECON South (FCS) và tái cấu trúc Công ty FCS;...

Ban Tổng giám đốc đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, duy trì các buổi họp giao ban định kỳ, các chỉ đạo đưa ra kịp thời và có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn đã tuân thủ đúng phân cấp thẩm quyền quy định tại Điều lệ, quy chế quản trị, các quy chế nội bộ và các quyết định của HĐQT.

Hoạt động vận hành doanh nghiệp nói chung đang ở mức độ tuân thủ, chưa đạt mức độ tối ưu hiệu quả. Vì vậy, yêu cầu trong năm 2023 Ban Tổng giám đốc cần phối hợp tốt hơn, đặc biệt trong phối hợp sản xuất giữa công ty mẹ với công ty con, giữa các công ty con với nhau và công tác quản trị tập trung một số chức năng chính; chỉ có phối hợp nhịp nhàng, trơn tru kịp thời, đúng người đúng việc mới huy động được tối ưu nguồn lực của Tập đoàn, để tăng đột biến năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

### **2.2. Đối với công tác phát triển kinh doanh:**

Duy trì vị thế dẫn đầu của mảng kinh doanh cốt lõi là nền móng & ngầm, từng bước chuyển dịch sang mô hình Nhà thầu chính/Tổng thầu mảng xây dựng công nghiệp và hạ tầng nói chung; đã cùng với đối tác chiến lược bước ra thị trường khu vực bằng năng lực, thế mạnh của Công ty. Các thành viên Ban Tổng giám đốc đã phát huy tốt uy tín công ty và mối quan hệ của cá nhân để phát triển thành công một số dự án theo mảng phụ trách, kết quả này cũng thể hiện tính đúng đắn của hệ thống phân quyền theo mảng dự án. Công tác đấu thầu dự án được thực hiện chuyên nghiệp, chặt chẽ nhưng tỷ lệ trúng thầu chưa cao do khâu sàng lọc dự án ngay từ đầu còn thiếu hiệu quả, giá thầu chưa cạnh tranh, Ban Tổng giám đốc cần cải thiện mạnh công tác này trong năm tới để tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao cơ hội trúng thầu và doanh thu, lợi nhuận cho Công ty;

Bên cạnh các dự án kinh doanh đã và đang phát triển, năm 2023 Ban Tổng giám đốc cần mạnh mẽ mở rộng tầm nhìn sang các thị trường lân cận như Campuchia, Lào, Philippines, Đài



Loan để có thể phát triển và thực hiện các dự án FECON có ưu thế tại các thị trường này, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

### **2.3. Đối với công tác quản lý dự án:**

Áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí dự án hiệu quả, tối đa hoá các ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa biện pháp thi công tại các dự án để đảm bảo an toàn chất lượng và chi phí dự án. Với các dự án cấp 2 trở lên, Công ty đã triển khai quản lý dự án tập trung từ khâu tiếp cận chào thầu đến trực tiếp tổ chức quản lý dự án tại hiện trường và cung ứng máy móc, nguyên vật liệu. Tuy nhiên, do số lượng dự án trong năm không nhiều, một số dự án bị dừng hoặc giãn tiến độ, cho nên khoảng 40% thời gian các Ban dự án ít việc làm dẫn đến kết quả kinh doanh không đạt kế hoạch, nhân sự khối quản lý dự án cũng bị giảm đáng kể sau thời gian ít việc làm. Yếu tố khách quan siết chặt dòng tiền vào bất động sản và xây dựng của thị trường dẫn tới nhiều dự án bị dừng hoặc giãn hoãn, các dự án đã làm xong thì không thể thu hồi công nợ do chủ đầu tư bị siết chặt tín dụng, không thể giải ngân thêm dẫn đến tình hình thiếu hụt dòng tiền và tăng đột biến chi phí tài chính,...

Mặc dù vậy, nhiệm vụ củng cố và phát triển lực lượng vẫn phải là nhiệm vụ ưu tiên trong năm 2023 để sẵn sàng cho các cơ hội dự án lớn trong tương lai cũng như dài hạn. Ban Tổng giám đốc cần đặc biệt ưu tiên cho nhiệm vụ phát triển đội ngũ giám đốc dự án, quản lý hợp đồng, phát triển chuỗi cung ứng, mạng lưới nhà cung cấp theo định hướng doanh thu đến năm 2025; sẵn sàng chớp cơ hội để bứt phá khi nhận được các dự án lớn có yêu cầu cao về chất lượng và tiến độ.

### **2.4. Đối với hoạt động tài chính:**

Tình hình thực hiện dự án và thu hồi công nợ như đã nêu trên dẫn đến nhiều khó khăn thách thức trong quản lý tài chính nói chung và quản lý dòng tiền nói riêng. Ban Tổng giám đốc đã rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, hạn chế phát sinh công nợ khó đòi, thúc đẩy tối đa nghiệm thu thanh toán dự án, cơ cấu lại khoản mục đầu tư theo định hướng chiến lược. Trong năm 2022 Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo Ban quản lý chi phí & dòng tiền của Công ty chủ động tích cực trong việc thu hồi công nợ, giải quyết/ thu hồi được nhiều khoản công nợ đã kéo dài từ nhiều năm trước.

Công tác quản trị tài chính của Công ty nhìn chung đã có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt trong mảng tài chính đầu tư. Trong năm 2023, Ban Tổng giám đốc cần có các hành động quyết liệt để cải thiện tích cực mảng này, hỗ trợ và đôn đốc Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (FECON Invest) cải thiện năng lực tài chính, kịp thời hiện thực hóa các cơ hội dự án đầu tư đã đầy đủ điều kiện pháp lý để triển khai, mang lại lợi nhuận cho công ty và tạo tiền đề triển khai các dự án tiếp theo.

### **2.5. Đối với hoạt động đầu tư:**

Bên cạnh việc chuyển dịch chiến lược kinh doanh, củng cố và phát triển sản phẩm truyền thống, Công ty đã kịp thời tìm đối tác để thoái vốn hai dự án năng lượng tái tạo chuẩn bị sẵn sàng nguồn vốn để thực hiện đầu tư các dự án mảng bất động sản khu công nghiệp & khu đô thị. Đồng thời, tiếp tục phát triển các dự án năng lượng tái tạo, khu công nghiệp khu đô thị có quy mô lớn hơn để sẵn sàng đầu tư trong các năm 2024 - 2025.



FECON Invest cần chuẩn bị lực lượng marketing bán hàng phù hợp để đón đầu các nhiệm vụ marketing bán hàng cho các dự án thực hiện trong năm 2023 và tiếp tục chuẩn bị sẵn sàng thị trường & khách hàng cho các dự án triển khai trong năm 2024 và 2025.

**Tóm lại**, trong bối cảnh thị trường vô cùng khó khăn, HĐQT ghi nhận kết quả chung về sản xuất kinh doanh và nỗ lực của Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm qua. Ban Tổng giám đốc cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác phối hợp cấp cao, chủ động và dũng mãnh hơn để phát triển các cơ hội kinh doanh mới cho Công ty. Phát huy tinh thần dám nghĩ dám làm, trung thực thẳng thắn với ý thức tự giác kỷ luật cao, công khai minh bạch trong điều hành, thừa nhận hạn chế để đổi mới khắc phục cải thiện năng lực hướng tới ngày một chuyên nghiệp hơn, hiệu quả hơn. Giúp Công ty đạt được các kết quả kinh doanh ngày một khởi sắc, đồng thời phát triển tổ chức theo hướng bền vững, trường tồn. FECON phải là Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu Việt Nam vào năm 2025 theo mục tiêu đã đặt ra.

### 3. Các định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2023

Để hoàn thành tốt những mục tiêu đã đề ra, toàn Công ty cần tập trung sáng tạo, tận dụng các cơ hội của thị trường, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- (1) Tập trung triển khai tốt các dự án đã ký hợp đồng trên toàn hệ thống: đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, nghiêm thu, thu hồi công nợ đúng kế hoạch, đảm bảo hiệu quả kinh tế theo kế hoạch chi phí phê duyệt;
- (2) Nâng cao năng lực quản lý chi phí và dòng tiền. Tăng cường kiểm soát, giám sát thực hiện tiết kiệm chi phí quản lý, quản lý dòng tiền và phát triển chuỗi cung ứng;
- (3) Xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực cao trong QLDA, quản lý hợp đồng đặc biệt là đội ngũ Giám đốc dự án (PM) và Chỉ huy trưởng (SM) đưa FECON trở thành đơn vị đủ sức cạnh tranh trong ngành xây dựng và có thể cạnh tranh mạnh mẽ với các nhà thầu/tổng thầu lớn trong nước;
- (4) Phát triển năng lực kinh doanh đấu thầu dựa trên khả năng tối ưu hóa thiết kế (Design & Build), đặc biệt là các dự án cấp đặc biệt; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm thông tin, tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường;
- (5) Đẩy mạnh liên danh/liên kết/để hiện thực hóa các cơ hội kinh doanh lớn, chinh phục các “ngọn núi” dự án như: cảng biển, nhà máy điện, hạ tầng KCN, hạ tầng giao thông, nhà máy FDI & kho logistic;
- (6) Tối ưu hóa vận hành Tập đoàn nhằm tới năng suất cao: rà soát, sắp xếp lại bộ máy quản lý, định biên một cách hợp lý, hoàn thiện phương án quản lý, tổ chức theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- (7) Phát triển năng lực làm tổng thầu trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp & hạ tầng ngầm: chú trọng công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, phù hợp với tốc độ tăng trưởng của FECON;
- (8) Tập trung triển khai đầu tư các dự án đã có chủ quyền và có điều kiện thuận lợi để hiện

thực hóa lợi nhuận, tạo tiền đề cho các dự án tiếp theo;

- (9) Phát triển nhà đầu tư chiến lược thu hút vốn, tăng cường sức mạnh tài chính cho FECON, FECON Invest và cho các hoạt động đầu tư dự án;
- (10) Đẩy mạnh ứng dụng số hoá, realtime dữ liệu và chỉ số sản xuất kinh doanh để quản trị hiệu quả;
- (11) Phát triển văn hoá doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu người FECON chuyên nghiệp;
- (12) Tăng hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị Tập đoàn.

Với chức trách được phân công bởi ĐHĐCĐ, HĐQT cam kết đồng hành với Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện các mục tiêu kinh doanh và kế hoạch hành động nêu trên trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực để tăng cơ hội kinh doanh, tăng năng suất lao động nhằm tới mục tiêu tối thượng là đảm bảo dòng tiền, tăng cao lợi nhuận và phát triển bền vững doanh nghiệp.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**



## 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Chuyên trách	Không điều hành	Độc lập	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Số lượng chức danh TV HĐQT, chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	✓			3,18	Không	2
2	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực	✓			0,4	Không	4
3	Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch		✓		0	Không	1
4	Hà Thế Lộng	Ủy viên			✓	0,3	Không	1
5	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên			✓	0	Không	1
6	Nguyễn Thị Nghiê (✓)		✓			0	Không	0
7	Nguyễn Trần Đăng Phước (✓)			✓		0	Không	2
8	Hà Thế Phương (✓✓)	Phó Chủ tịch	✓			0,00006	Không	2
9	Phạm Trung Thành (✓✓)	Ủy viên			✓	0	Không	1
10	Phùng Tiến Trung (✓✓)	Ủy viên		✓		0,15	Không	2
11	Nguyễn Song Thanh (✓✓)	Ủy viên			✓	0,001	Không	1

(✓) : Thành viên HĐQT bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022

(✓✓) : Thành viên HĐQT miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022

### 1.2. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Thường trực Hội đồng quản trị, gồm các thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

Thường trực Hội đồng quản trị được thành lập theo Nghị quyết số 23A/2019/NQ-HĐQT.FECON ngày 27 tháng 04 năm 2019 của HĐQT và được thông qua lại danh sách theo Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT.FECON ngày 01 tháng 08 năm 2022 của HĐQT, là cơ quan được HĐQT giao nhiệm vụ để giải quyết và phê duyệt kịp thời một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phục vụ công tác chỉ đạo giám sát điều hành hàng ngày, chịu trách nhiệm trước HĐQT về các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được ủy quyền. Thường trực HĐQT sau khi được thành lập đã triển khai công việc hiệu quả, phối hợp với Ban Tổng giám đốc đáp ứng được kịp thời yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cũng đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách các lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của Công ty theo Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐQT.FECON ngày 06 tháng 09 năm 2022.

### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của HĐQT trong năm tuân thủ theo đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Năm 2022, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và các cuộc họp bất thường để giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và đưa ra chủ trương về tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác với các nội dung chính như sau (Danh sách dưới đây bao gồm cả nội dung hoạt động của HĐQT và Thường trực HĐQT):

#### [i] Quý I/2022:

- Thông qua việc Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cọc và xây dựng FECON;
- Thông qua việc thành lập Ban Nền móng 3;
- Thông qua chủ trương và phương án điều chỉnh cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần FECON SOUTH kể từ ngày 01/02/2022;
- Thông qua quy chế hoạt động VP đại diện Công ty cổ phần FECON tại VPPN;
- Thông qua chủ trương mua cổ phần phát hành thêm trong đợt tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cọc và xây dựng FECON (FPL);
- Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1 (FCPL1) và công ty cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON (FDB) cho Công ty cổ phần cọc và xây dựng FECON (FPL);
- Ban hành quy chế kiểm toán nội bộ;
- Thôi giữ nhiệm vụ phụ trách Ban Nền móng 1 đối với ông Trần Văn Thuyết;



- Bổ nhiệm ông Phạm Đức Huyền giữ vị trí Trưởng ban - Ban Nền Móng 1 kể từ ngày 01/03/2022;
- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và ngày đăng ký cuối cùng;
- Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022;
- Ủy quyền cho ông Hà Thế Phương thay ông Phạm Việt Khoa làm Người đại diện vốn tại CTCP Đầu tư FECON và giới thiệu với ĐHĐCĐ và HĐQT CTCP Đầu tư FECON bầu ông Hà Thế Phương làm Chủ tịch HĐQT;
- Cập nhật số cổ phần đại diện phần vốn góp của Người đại diện FECON tại Công ty FPL sau khi mua cổ phần phát hành thêm trong đợt tăng vốn điều lệ của FPL.

**[iii] Quý II/2022:**

- Bổ nhiệm ông Lê Bảo An giữ vị trí Trưởng ban Ban Truyền thông;
- Ủy quyền cho ông Đỗ Trần Nam thay cho ông Tạ Công Thanh Vinh làm người đại diện phần vốn của FECON tại FCIC;
- Bổ nhiệm vị trí kế toán trưởng đối với ông Phạm Văn Tùng;
- Thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Nghiênn;
- Ủy quyền cho ông Trần Nhật Khoa thay cho ông Nguyễn Chí Công làm NDDV của FECON tại Công ty FECON South;
- Đề cử ứng viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019- 2024;
- Thông qua chủ trương và phương án tái cấu trúc ban Đảm bảo chất lượng;
- Thông qua việc điều chỉnh Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ của ban Trợ lý quản trị;
- Thông qua việc điều chỉnh Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ của ban Kỹ thuật;
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Huy Hà giữ vị trí Trưởng Ban dự án Hạ tầng 3;
- Thôi giữ chức vụ Trưởng ban Nền móng 2 - Công ty cổ phần FECON đối với ông Phạm Hoàng Long kể từ ngày 01/05/2022;
- Thôi giữ chức vụ Trưởng ban Xây dựng công nghiệp 3 - Công ty cổ phần FECON đối với ông Đỗ Quang Dũng kể từ ngày 02/05/2022;
- Thông qua việc đề nghị cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần FECON tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Đông Đô;
- Phê duyệt Đơn giá, Định mức thi công nội bộ;
- Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi, bổ sung;
- Ban hành cập nhật về Hội đồng Quản lý dự án;
- Ban hành Điều lệ và tổ chức hoạt động sửa đổi, bổ sung của Công ty cổ phần FECON;
- Điều chỉnh cấp bậc lương, mức lương và chế độ của CBNV 2022;
- Ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới kiểm soát viên;

- Ban hành chính sách chống tham nhũng;
- Thôi giữ chức vụ Trưởng ban Nền móng 1- Công ty cổ phần FECON đối với ông Phạm Đức Huyền kể từ ngày 31/05/2022;
- Bổ nhiệm ông Phạm Đức Huyền giữ vị trí trưởng ban - Ban xây dựng công nghiệp 3;
- Ủy quyền đại diện phần vốn của FECON tại Trường Trung học phổ thông Ý Yên;
- Ủy quyền cho ông Trần Lâm thay cho ông Hà Cửu Long làm người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần thiết bị FECON;
- Ban hành bản cập nhật phân cấp thẩm quyền phê duyệt Công ty cổ phần FECON;
- Thành lập Ủy ban phát triển văn hoá doanh nghiệp FECON;
- Ban hành bản cập nhật quy chế quản lý dự án tập trung phiên bản V1.0/2022;
- Ban hành bản cập nhật Chức năng nhiệm vụ của các Ban chức năng và Ban Dự án;
- Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2022 lần 1;
- Thôi giữ chức vụ Trưởng ban Nhân sự đối với ông Lý Ngọc Anh kể từ ngày 14/06/2022. Giao nhiệm vụ Ông Lý Ngọc Anh giữ vị trí Phó ban Nhân sự - Công ty cổ phần FECON kể từ ngày 15/06/2022.

**[iii] Quý III/2022:**

- Thôi giữ nhiệm vụ phụ trách Ban Nền Móng 2 đối với ông Nguyễn Tuấn Anh;
- Ban hành quy chế Quản lý và hoạt động của Người đại diện vốn của FECON;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
- Thông qua chủ trương giảm vốn điều lệ Công ty cổ phần xây dựng Hạ tầng FECON;
- Thôi giữ chức vụ trưởng ban dự án - Ban dự án hạ tầng 1 - Công ty cổ phần FECON đối với ông Cao Nguyên Thắng;
- Giao nhiệm vụ cho ông Cao Nguyên Thắng giữ vị trí Quyền trưởng ban - Ban Phát triển dự án;
- Ban hành quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý tài chính;
- Thông qua danh sách Thường trực HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024;
- Bầu chức danh Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019- 2024;
- Ban hành cập nhật Quy chế Quản lý và sử dụng con dấu;
- Ban hành bộ định mức đơn giá thi công móng nền móng;
- Thông qua chủ trương và Phương án tái cấu trúc ban Nền móng 1 và Nền móng 3; Đổi tên Ban Nền móng 2 thành Ban Nền móng
- Thông qua việc Bổ nhiệm ông Bùi Môn Bách giữ vị trí Giám đốc Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON;
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của Công ty;
- Phê duyệt trả cổ tức năm 2021 bằng tiền;



- Thôi giữ chức vụ Phó ban Nhân sự-Phụ trách Ban Tổ chức nhân sự đối với Ông Lý Ngọc Anh;
- Phê duyệt Định mức chi phí thường xuyên của Ban điều hành dự án\_phiên bản V2/2022;
- Tuyển dụng và bổ nhiệm vị trí Giám đốc/Trưởng ban Nhân sự tại Công ty Cổ phần FECON.

**[iv] Quý III/2022:**

- Bổ nhiệm Ông Ngô Văn Thuận giữ vị trí Trưởng ban dự án- Xây dựng công nghiệp 2;
- Điều chuyển và Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Hưng giữ vị trí Phó Giám đốc điều hành - Công ty cổ phần Xây dựng hạ tầng FECON;
- Phương án vay vốn của Công ty Cổ phần FECON tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ;
- Ban hành Bộ định mức đơn giá mảng xây dựng dân dụng và công nghiệp\_V1/2022;
- Quyết định thành lập Hội đồng sơ khảo sáng kiến cải tiến FECON 2022;
- Thông qua việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hào 6;
- Ban hành Bộ định mức đơn giá mảng Hạ tầng kỹ thuật\_V1/2022;
- Phê duyệt thay đổi thời gian thanh toán cổ tức năm 2021 bằng tiền;
- Ban hành bản sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý máy móc thiết bị tập trung\_V2/2022;
- Điều chuyển và bổ nhiệm Ông Phạm Ngọc Thuận - Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng hạ tầng FECON sang giữ vị trí Phó Giám đốc kiêm Trưởng ban Quản lý dự án-Công ty cổ phần FECON Phố Yên;
- Ban hành Quyết định về việc tăng cường kiểm soát công tác phát triển kinh doanh trên phạm vi toàn Tập đoàn;
- Nghị quyết thôi giữ chức vụ Trưởng ban Truyền thông đối với Ông Lê Bảo An;
- Ban hành bản cập nhật Chính sách nhân sự của Công ty cổ phần FECON, áp dụng kể từ ngày 01/11/2022;
- Nghị quyết thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc-Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON đối với Ông Trần Lâm;
- Thông qua việc Công ty Cổ phần FECON vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 (MB Bank-SGD1);
- Ban hành Hệ thống chức danh Công ty cổ phần FECON;
- Bổ nhiệm Trưởng ban PTDA đối với bà Chu Thị Thúy Hằng.

**1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập (không điều hành)**

Các thành viên HĐQT độc lập đều tham dự đầy đủ các buổi họp của HĐQT và đóng góp nhiều ý kiến khách quan, thiết thực trong công tác quản trị Công ty và việc ra quyết định của HĐQT. Thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Nghị quyết phân công

nhiệm vụ của Thành viên HĐQT. Các hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập trong năm như sau:

- *Về chiến lược:* Đóng góp tích cực vào việc xây dựng chiến lược của Công ty giai đoạn 2020-2025, đặc biệt Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa - người có kinh nghiệm nhiều năm trong mảng xây dựng chiến lược tại các doanh nghiệp lớn, đã trực tiếp tham gia Ủy ban chiến lược của Công ty, đồng hành cùng đội ngũ Lãnh đạo chủ chốt trong thời gian xây dựng và khởi động triển khai chiến lược;
- *Về kiểm soát hoạt động của Ban Tổng giám đốc:* Các thành viên đã xem xét kỹ lưỡng các kế hoạch, kết quả hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong các hoạt động quản trị điều hành hướng tới các mục tiêu đề ra và tích cực giám sát việc báo cáo kết quả hoạt động. Đặc biệt đối với công tác đầu tư dự án, các thành viên HĐQT độc lập đã cho ý kiến với trách nhiệm rất cao, có tính phản biện vào tất cả các dự án và ý tưởng đầu tư;
- *Về kiểm soát rủi ro:* Các thành viên giúp kiểm tra để đảm bảo các thông tin tài chính được công bố là minh bạch, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư dự án được phân tích hiệu quả cẩn thận trước khi triển khai. Đồng thời, các thành viên HĐQT độc lập cũng mang đến cái nhìn khách quan đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần gia tăng hiệu quả kiểm soát và quản trị rủi ro cho Công ty;
- *Về nhân sự:* Các thành viên HĐQT độc lập đã cùng với các thành viên HĐQT thực hiện điều hành, đóng góp một cách có trách nhiệm trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức công ty và các công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm và đào tạo cán bộ quản lý cấp cao.

#### 1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên HĐQT đã tham gia khóa đào tạo và được cấp chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, bao gồm: ông Phạm Việt Khoa, ông Hà Thế Phương, ông Trần Trọng Thắng, ông Hà Thế Lộng.

Các thành viên HĐQT khác cũng đã được tham gia các chương trình đào tạo, sự kiện về quản trị Công ty do các đơn vị có năng lực tổ chức, đồng thời tham dự các khóa đào tạo nội bộ liên quan đến kỹ năng quản lý và hoạt động của Công ty.

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng Ban	28/04/2022 (*)	Cử nhân
2	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban	28/04/2022 (*)	Thạc sỹ
3	Trần Công Tráng	Thành viên	26/04/2019	Cử nhân
4	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	26/04/2019	Thạc sỹ

(\*) Ngày 28/4/2022, theo kết quả tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:



- Thông qua việc miễn nhiệm vị trí Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần FECON nhiệm kỳ 2019 – 2024 đối với bà Phạm Thị Hồng Nhung theo đơn từ nhiệm.
- Thông qua việc đề cử và bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Lan Hương làm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần FECON nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Ngày 28/4/2022, theo kết quả họp Ban Kiểm soát, thông qua việc bầu bà Nguyễn Thị Lan Hương làm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần FECON nhiệm kỳ 2019 – 2024.

## 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát, phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc bám sát quá trình triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT. Đồng thời tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Công ty mẹ cũng như ở các đơn vị thành viên trong hệ thống, đảm bảo các hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn.

Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ hàng quý trong năm 2022 với các nội dung chính:

Thời gian	Số thành viên tham dự	Nội dung
Quý I/2022	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021.</li> <li>• Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát 2021, lập kế hoạch hoạt động 2022.</li> <li>• Thảo luận, thống nhất danh sách đề cử danh sách đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022.</li> </ul>
Quý II/2022	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thẩm định Báo cáo tài chính Quý I/2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất.</li> <li>• Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.</li> <li>• Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro Tập đoàn.</li> <li>• Họp bầu bổ sung chức danh trong Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024</li> </ul>
Quý III/2022	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thẩm định Báo cáo tài chính tài chính bán niên năm 2022 của Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất.</li> <li>• Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro Tập đoàn; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ giai đoạn 06 tháng đầu năm 2022.</li> </ul>

Thời gian	Số thành viên tham dự	Nội dung
Quý IV/2022	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm định Báo cáo tài chính Quý III/2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất.</li> <li>Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ giai đoạn 09 tháng đầu năm 2022.</li> <li>Tổng kết sơ bộ hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022, lập kế hoạch hoạt động năm 2023.</li> </ul>

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

**3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2022 như sau:**

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Giá trị (VNĐ)
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	2.329.871.504
2	Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch ngày 01/08/2022)	1.050.000.000
3	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022)	462.061.540
4	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	1.310.152.916
5	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên HĐQT độc lập	488.888.884
6	Hà Thế Lộng	Ủy viên HĐQT độc lập	488.888.884
7	Nguyễn Trần Đăng Phước	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	533.333.334
8	Nguyễn Thị Nghiên	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	529.066.664
9	Nguyễn Song Thanh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	133.333.332
10	Phùng Tiến Trung	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	133.333.332
11	Phạm Trung Thành	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	133.333.332
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>		
1	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng Ban (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	1.076.378.457
2	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	469.538.460



STT	Họ và tên	Chức danh	Giá trị (VNĐ)
3	Trần Công Tráng	Thành viên	399.999.996
4	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	432.664.723
<b>III</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
1	Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc	2.319.403.846
2	Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc Thường trực	1.695.749.999
3	Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng giám đốc	1.183.947.500
4	Lê Quang Hanh	Phó Tổng giám đốc	823.202.693
5	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc	1.739.494.231
6	Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc	1.357.538.462
7	Nguyễn Thị Nghiên	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng (Đến ngày 28/4/2022)	423.288.462

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ (%)	
1	Hà Thế Phương	Người có liên quan	105.500	0,067	100	0,00006	Bán cổ phiếu
2	Phạm Thị Minh Hoa	Người có liên quan	16.397	0,01	8.597	0,005	Bán cổ phiếu
3	Trần Trọng Thắng	Người nội bộ	866.461	0,55	631.461	0,42	Bán cổ phiếu
4	Phạm Hồng	Người có liên quan	26.525	0,02	17.325	0,01	Bán cổ phiếu
5	Phùng Tiến Trung	Người nội bộ	328.177	0,27	238.177	0,15	Bán cổ phiếu
6	Nguyễn Thị Nghiên	Người nội bộ	10.151	0,008	0	0	Bán cổ phiếu
7	Nguyễn Quốc Bảo	Người nội bộ	10.159	0,008	59	0,00	Bán cổ phiếu
8	Trần Công Tráng	Người nội bộ	3.987	0,004	87	0,00	Bán cổ phiếu
9	Hà Thị Chín	Người có liên quan	1.876	0,00	00	0,00	Bán cổ phiếu
10	Hà Thị Tâm	Người có liên quan	1.859	0,00	59	0,00	Bán cổ phiếu

## 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Là công ty con của Công ty Cổ phần FECON	0108841985- do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 26/07/2019	Tầng 17, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tháng 03/2022	NQ HĐQT số 04/2022/NQ-HĐQT.FECON ngày 10/02/2022	Mua cổ phần phát hành thêm trong đợt tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cọc và xây dựng FECON ("FPL") trị giá 39.757.500.000 VNĐ
2	Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	Là công ty con của Công ty Cổ phần FECON	0108620312-do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 27/02/2019	Tầng 16 tháp CEO, Lô HH2-1 KĐT MỄ TRỊ HẠ, đường Phạm Hùng, P. MỄ TRỊ, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	Tháng 03/2022	NQ HĐQT số 05/2022/NQ-HĐQT.FECON ngày 10/02/2022	Chuyển nhượng cổ phần CTCP thi công cọc FECON số 1 cho CTCP Cọc và xây dựng FECON trị giá 17.980.000.000 VNĐ
3	Công ty Cổ phần Cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Là công ty con của Công ty Cổ phần FECON	0108620305-25/02/2019-do Sở KHĐT Hà Nam cấp ngày 25/02/2019	Tầng 16 tháp CEO, Lô HH2-1 KĐT MỄ TRỊ HẠ, đường Phạm Hùng, P. MỄ TRỊ, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	Tháng 03/2022	NQ HĐQT số 05/2022/NQ-HĐQT.FECON ngày 10/02/2022	Chuyển nhượng cổ phần CTCP Cọc khoan và kết cấu ngầm FECON cho CTCP Cọc và xây dựng FECON trị giá 17.980.000.000 VNĐ

\* Bán Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (FCM)

Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng là người có liên quan của tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên người nội bộ: Phạm Trung Thành
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 036077009517 cấp ngày 01/06/2020 tại Cục CS QLHC về TTXH 16213137



- Địa chỉ: Tổ 3, phường Lê Hồng Phong, TP. Phú Lý, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại liên hệ: 09060469800906046980
- Chức vụ tại công ty đại chúng: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
- Mối quan hệ giữa tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ: ông Phạm Trung Thành là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần FECON
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ: 30.250 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 0,07%.

TT	Tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ giữa tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ (%)	
1	Công ty Cổ phần FECON	Ông Phạm Trung Thành là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON	4.510.103	10,0002	3	0,0	Bán cổ phiếu

**3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Năm 2022, Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan và các quy định nội bộ của Công ty.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2022**

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022 của Công ty được đính kèm Báo cáo này.

Báo cáo tài chính công ty mẹ kiểm toán năm 2022 của Công ty được công bố tại đường link sau: <https://fecon.com.vn/bao-cao-tai-chinh>

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: BOMA, TCKT, VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**PHẠM VIỆT KHOA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 57

## **CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
Ông Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/8/2022)
Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Hà Thế Lộng	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên độc lập
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Nguyễn Song Thanh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Phùng Tiến Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)
Bà Nguyễn Thị Nghiễn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)

##### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Trần Công Tráng	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc
Ông Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Độ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/10/2022)
Ông Đặng Xuân Tinh	Giám đốc Thiết bị (Bổ nhiệm ngày 15/10/2022)



## CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Thanh**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số: 195/2023/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần FECON**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 31/3/2023, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

**Nguyễn Thị Tiên**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2021-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			<b>5.235.382.974.606</b>	<b>5.062.620.383.406</b>
<b>A - (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>			
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>174.638.758.149</b>	<b>312.430.239.372</b>
1. Tiền	111		112.906.623.636	172.755.595.009
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.732.134.513	139.674.644.363
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>28.560.627.146</b>	<b>49.148.587.209</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	28.560.627.146	49.148.587.209
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.229.997.090.874</b>	<b>2.821.445.306.296</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.981.715.704.484	2.057.456.007.585
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	235.619.508.387	173.861.796.618
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	37.095.020.000	62.062.540.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	978.197.568.639	531.326.076.549
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.878.109.747)	(4.197.690.370)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.247.399.111	936.575.914
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.669.258.655.738</b>	<b>1.662.011.105.914</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	1.669.258.655.738	1.662.011.105.914
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>132.927.842.699</b>	<b>217.585.144.615</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	42.412.551.500	31.912.874.669
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		85.175.473.475	59.377.573.349
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	5.339.817.724	2.294.696.597
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	124.000.000.000
<b>B - (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>2.345.591.035.453</b>	<b>2.433.084.195.177</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>127.242.158.796</b>	<b>57.423.776.151</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	2.602.610.000	2.602.610.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	99.534.466.986	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	25.105.081.810	54.821.166.151
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.796.666.790.712</b>	<b>1.886.312.740.786</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.552.750.680.596	1.631.823.344.094
- Nguyên giá	222		2.021.088.456.407	2.037.531.474.573
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(468.337.775.811)	(405.708.130.479)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	214.376.785.317	228.314.685.631
- Nguyên giá	225		259.091.987.190	262.507.159.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(44.715.201.873)	(34.192.473.996)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	29.539.324.799	26.174.711.061
- Nguyên giá	228		56.938.438.542	48.459.475.815
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.399.113.743)	(22.284.764.754)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>36.931.509.509</b>	<b>26.965.662.452</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.7	9.265.434.881	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	27.666.074.628	26.965.662.452
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>222.086.444.649</b>	<b>292.205.863.439</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2	157.141.403.202	188.633.242.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	60.810.027.447	102.072.620.939
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	4.135.014.000	1.500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>162.664.131.787</b>	<b>170.176.152.349</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	106.013.439.576	110.253.641.667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.792.709.465	207.450.700
5. Lợi thế thương mại	269	5.13	54.857.982.746	59.715.059.982
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>7.580.974.010.059</b>	<b>7.495.704.578.583</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>4.097.649.577.189</b>	<b>4.566.523.278.536</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.152.094.491.474</b>	<b>3.365.479.978.631</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	709.797.462.112	1.048.908.369.492
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	286.769.356.420	354.059.702.076
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	58.874.060.313	44.150.876.373
4. Phải trả người lao động	314		40.425.059.546	39.140.847.087
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	158.394.891.906	466.586.353.729
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		17.595.239	35.190.479
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	123.266.047.838	72.440.223.420
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.766.741.053.406	1.331.632.444.581
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.808.964.694	8.525.971.394
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>945.555.085.715</b>	<b>1.201.043.299.905</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		4.286.662.860	2.778.828.591
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	-	54.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	941.268.422.855	1.140.623.103.116
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	3.641.368.198
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>3.483.324.432.870</b>	<b>2.929.181.300.047</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>3.483.324.432.870</b>	<b>2.929.181.300.047</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>1.574.390.050.000</i>	<i>1.574.390.050.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		517.556.564.217	517.556.564.217
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.039.280.000	10.039.280.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		337.163.604.401	333.791.372.072
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		263.830.171	254.161.637
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		207.271.473.900	218.438.279.112
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>167.662.438.943</i>	<i>150.063.866.509</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>39.609.034.957</i>	<i>68.374.412.603</i>
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		836.639.630.181	274.711.593.009
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>7.580.974.010.059</b>	<b>7.495.704.578.583</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.045.529.728.963	3.484.219.388.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.045.529.728.963	3.484.219.388.593
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.689.278.212.092	3.014.506.972.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		356.251.516.871	469.712.415.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	168.600.604.996	18.943.155.701
7. Chi phí tài chính	22	6.4	228.504.068.345	152.265.106.452
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		212.398.541.759	145.670.784.482
8. Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	26.794.089.460	25.239.575.877
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	214.701.491.537	200.099.244.674
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		54.852.472.525	111.051.644.600
12. Thu nhập khác	31	6.6	64.886.780.338	6.711.769.614
13. Chi phí khác	32	6.6	41.433.030.451	7.945.583.007
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	23.453.749.887	(1.233.813.393)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		78.306.222.412	109.817.831.207
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	31.932.270.346	38.927.106.131
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(5.226.626.963)	108.939.308
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		51.600.579.029	70.781.785.768
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		39.609.034.957	68.374.412.603
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.991.544.072	2.407.373.165
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	252	452

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tùng

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Thanh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		78.306.222.412	109.817.831.207
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		154.323.431.407	96.495.220.916
- Các khoản dự phòng	03		(319.580.623)	12.193.220
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		370.595.532	(43.529.558)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(162.097.043.787)	(14.674.711.795)
- Chi phí lãi vay	06		212.398.541.759	145.670.784.482
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		282.982.166.700	337.277.788.472
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		375.686.814.105	1.102.426.826.139
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.785.456.705)	(633.903.739.932)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(587.252.008.155)	(682.982.384.654)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.259.474.740)	(33.930.923.243)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(212.407.654.019)	(147.453.328.257)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.082.668.597)	(41.655.872.956)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		100.000.000	4.080.600.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.875.898.771)	(14.245.349.666)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(202.894.180.182)</b>	<b>(110.386.384.097)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(138.392.121.634)	(1.215.794.261.669)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.518.518.159	59.694.945.962
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(531.645.814.557)	(44.877.003.185)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.030.659.722	37.293.459.965
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(54.880.701.000)	(89.217.551.203)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		212.433.090.000	32.622.255.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.689.418.896	11.732.288.359
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(469.246.950.414)</b>	<b>(1.208.545.866.771)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		373.342.500.000	435.535.960.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.019.989.416.193	4.188.149.225.102
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.779.735.960.227)	(3.210.207.256.840)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(79.480.115.548)	(99.633.260.536)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(40.869.223.256)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<b>534.115.840.418</b>	<b>1.272.975.444.470</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		<b>(138.025.290.178)</b>	<b>(45.956.806.398)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		<b>312.430.239.372</b>	<b>358.353.732.799</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		233.808.955	33.312.971
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	<b>174.638.758.149</b>	<b>312.430.239.372</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



**Trần Thu Trang**

Kế toán trưởng



**Phạm Văn Tùng**

Trưởng Giám đốc



**Nguyễn Văn Thanh**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần FECON được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31/12/2022 là 1.228 lao động (tại ngày 31/12/2021: 1.357 lao động)

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

**1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Đầu tư vào các Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần công trình ngầm FECON)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	86,14%	99,93%	94,12%
Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1 (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm		99,89%	93,40%
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc		99,89%	93,40%
Công ty Cổ phần cọc và xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần thi công cọc và xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	93,50%	93,50%	93,50%
FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON (trước là Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (trước là Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON)	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	57,90%	57,90%	57,90%
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Tư vấn đầu tư xây dựng	14,29%	99,99%	91,87%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh		97,22%	88,01%
FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Đầu tư vào các Công ty con (Tiếp theo)</b>					
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	99,999%	99,999%	96,59%
Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	99,997%	99,997%	95,85%
Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng và bán bê tông	100%	100%	99,56%
Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Năng lượng FECON và Công ty Cổ phần Năng lượng ECOTECH Việt Nam)	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.		51,00%	47,85%
Công ty Cổ phần GF Homes (tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Đông Tháp	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
Công ty Cổ phần GF Homes Bắc Ninh (tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Bắc Ninh	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>					
Công ty Cổ phần FECON Miltec	Long An	Sản xuất sản phẩm từ plastic: bắc thăm, vải địa kỹ thuật và các sản phẩm khác từ plastic.		49,09%	49,09%
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Hà Nội	Thi công xây dựng	49%	49%	28,4%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Hà Nội	Thi công xây dựng	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	48,83%	48,83%	48,83%
Công ty Cổ phần Fecon Hòa Yên	Bắc Giang	Kinh doanh BĐS	36,00%	36,00%	36,00%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

#### **1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

#### **2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

#### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

##### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng năm 2022 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần FECON, các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON, Trường PTTH Ý Yên, Công ty Cổ phần Đầu tư FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty Cổ phần Năng lượng FECON, Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng, Công ty Cổ phần Thiết bị FECON, Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1, Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON, Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON, FECON Trung Chính Myanmar, Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam, Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON, Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng, Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI, Công ty Cổ phần GF Homes, Công ty Cổ phần GF Homes Bắc Ninh.

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

##### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

###### Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

###### Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2022.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

###### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

###### *Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

###### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 - 10 năm.

**Nguyên tắc kế toán thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

**Thuế tài chính**

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuế tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán thuê tài chính**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Máy móc, thiết bị	08 - 20
Phương tiện vận tải	8 - 10

**Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính năm.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu một lần khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Chi phí trả trước là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Đối với chi phí trả trước là Giá trị quyền sử dụng văn phòng tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm. Công ty phân bổ theo thời gian 48 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ Công ty mẹ - Công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Trích trước chi phí các công trình khi đã có nghiệm thu khối lượng.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: khoản chênh lệch giữa giá bán và giá thuê lại tài sản thuê tài chính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn thuê của hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu xây lắp.

***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của công trình xây lắp, bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế và 25% đối với thuế suất đầu tư vốn ra ngoài Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

##### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

##### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam theo đó không có Báo cáo bộ phận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	33.575.249.285	19.295.351.785
Tiền gửi ngân hàng	79.331.374.351	153.460.243.224
Các khoản tương đương tiền	61.732.134.513	139.674.644.363
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	<i>61.732.134.513</i>	<i>139.674.644.363</i>
<b>Tổng</b>	<b>174.638.758.149</b>	<b>312.430.239.372</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2022 (VND)</b>		<b>01/01/2022 (VND)</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>28.560.627.146</b>	<b>28.560.627.146</b>	<b>49.148.587.209</b>	<b>49.148.587.209</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	28.560.627.146	28.560.627.146	48.648.587.209	48.648.587.209
- Các khoản đầu tư khác	-	-	500.000.000	500.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>4.135.014.000</b>	<b>4.135.014.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
- Trái phiếu kỳ hạn từ 8 - 10 năm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Các khoản đầu tư khác	2.635.014.000	2.635.014.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>32.695.641.146</b>	<b>32.695.641.146</b>	<b>50.648.587.209</b>	<b>50.648.587.209</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Các khoản đầu tư dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>157.141.403.202</b>		<b>188.633.242.500</b>	
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiến tiến Raito - FECON	49,00%	49,00%	24.500.000.000		24.500.000.000	
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6			-		162.177.242.500	
Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên	36,00%	36,00%	18.000.000.000			
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	24,20%	24,20%	102.400.000.000		-	
Công ty cổ phần FECON Miltec	49,04%	49,04%	10.285.403.202		-	
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	49,10%	49,10%	491.000.000		491.000.000	
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	48,83%	48,83%	1.465.000.000		1.465.000.000	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			<b>60.810.027.447</b>		<b>102.072.620.939</b>	
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON			27.447		41.262.620.939	
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1,94%	1,94%	7.000.000.000		7.000.000.000	
Công ty Cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	11,85%	11,85%	16.000.000.000		16.000.000.000	
Hợp tác kinh doanh, đầu tư với các cá nhân			37.810.000.000		37.810.000.000	
<b>Tổng</b>			<b>217.951.430.649</b>	<b>(*)</b>	<b>290.705.863.439</b>	<b>(*)</b>

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch giữa Công ty và các Công ty liên kết, đầu tư khác trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Tri  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Tri,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.981.715.704.484</b>	<b>2.057.456.007.585</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	62.553.118.955	62.553.118.955
Công ty Posco E&C-Thầu chính Gói thầu A2 thuộc DA Hóa dầu Long Sơn	22.204.245.170	22.204.245.170
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	27.627.016.393	34.863.407.320
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	22.487.461.683	4.038.004.902
Liên danh Hyundai E&C-GHELLA	66.000.185.704	67.243.818.523
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	926.391.103	11.822.990.559
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Nhơn Trạch	24.848.062.156	41.027.496.576
Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn - Tây Đô	-	79.309.142.550
Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC)	30.967.790.964	234.534.396.555
Liên Danh Nhà Thầu Kumho - Hyundai	4.367.959.097	12.522.462.968
Công ty TNHH VESTAS WIND TECHNOLOGY Việt Nam	253.000.000	78.136.751.550
Công ty Cổ Phần Quốc Lộc Phát	33.322.564.088	30.540.074.468
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	96.884.800.005	-
Công ty mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	40.856.919.222	-
Phải thu các đối tượng khác	1.548.416.189.944	1.378.660.097.489
<b>Dài hạn</b>	<b>2.602.610.000</b>	<b>2.602.610.000</b>
Phải thu các đối tượng khác	2.602.610.000	2.602.610.000
<b>Tổng</b>	<b>1.984.318.314.484</b>	<b>2.060.058.617.585</b>

*Trong đó phải thu ngắn hạn các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan*

6.247.678.690

16.090.701.168

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thông Thuận	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH POWERCHINA Việt Nam	23.638.325.874	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Cảng	26.000.000.000	12.000.000.000
Các đối tượng khác	145.981.182.513	121.861.796.618
<b>Tổng</b>	<b>235.619.508.387</b>	<b>173.861.796.618</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.5 Phải thu về cho vay**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>37.095.020.000</b>	<b>62.062.540.000</b>
Công ty Cổ phần Tổng hợp xây dựng công trình 69	550.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 (1)	32.460.020.000	34.127.540.000
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	-	23.300.000.000
Các đối tượng khác	4.085.000.000	4.085.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>99.534.466.986</b>	-
Ông Lê Anh Tùng (2)	76.234.466.986	-
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO) (3)	23.300.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>136.629.486.986</b>	<b>62.062.540.000</b>
<i>Trong đó phải thu cho vay các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>23.300.000.000</i>	<i>23.300.000.000</i>

(1) Theo hợp đồng vay số 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần FECON và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6, thời hạn vay là 10 tháng tính từ ngày bên vay rút khoản vay đầu tiên; Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 01/2019/HĐCG/FCN-FCP ngày 15/12/2019 giữa bên chuyển giao Công ty Cổ phần FECON và bên nhận chuyển giao Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon toàn bộ quyền và nghĩa vụ của FCN phát sinh từ hợp đồng vay số 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019; Phụ lục hợp đồng số 01/2019/FCN-VH6-FCP ngày 16/12/2019 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần FECON, bên kế thừa Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6, theo đó số tiền vay là 55.584.000.000 đồng; Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/01/2020 tự động gia hạn kỳ hạn vay bằng kỳ hạn vay của hợp đồng 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019 nếu Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 không có thông báo hoặc các bên không có thỏa thuận khác.

(2) Hợp đồng vay tiền số 1205/2022/HĐV/FCP-LAT ngày 12/5/2022 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần Năng lượng FECON và bên vay ông Lê Anh Tùng; Số tiền vay 76.234.466.986 đồng; Mục đích vay: Toàn bộ số tiền giải ngân cho vay chỉ được sử dụng thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bên vay đối với Ecotech Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng giữa Ecotech Việt Nam và ông Lê Anh Tùng. Thời điểm trả nợ không muộn hơn ngày 28/10/2025.

(3) Theo thỏa thuận hợp đồng vay có thể chuyển đổi ngày 15/5/2020 và Phụ lục số 01/FCP/-Ofico/2022 ngày 12/5/2022 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon và Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune. Theo đó Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune vay số tiền 23.300.000.000 đồng; Thời hạn vay: đến ngày 14 tháng 5 năm 2025 hoặc tùy theo quyết định của bên cho vay. Nếu khoản vay được hoàn trả muộn hơn 14/5/2025 thì cứ 10.000 đồng sẽ quy đổi bằng 1 cổ phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon nắm giữ tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune.



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.6 Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>978.197.568.639</b>	<b>-</b>	<b>531.326.076.549</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam	540.315.589	-	853.129.871	-
Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hảo 6	-	-	153.620.680	-
Công ty cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	6.128.219.175	-	3.798.219.176	-
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	-	-	4.936.371.933	-
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	-	-	30.100.589.822	-
Ông Hà Thế Phương (i)	50.900.000.000	-	-	-
Ông Muôn Văn Chiến (i)	177.900.000.000	-	-	-
Ông Phùng Tiến Trung (i)	190.200.000.000	-	-	-
Phải thu khác	46.036.040.553	-	40.176.819.552	-
Tạm ứng	502.398.839.212	-	446.556.860.265	-
Ký cược, ký quỹ	4.094.154.110	-	4.750.465.250	-
<b>Dài hạn</b>	<b>25.105.081.810</b>	<b>-</b>	<b>54.821.166.151</b>	<b>-</b>
Các khoản phải thu khác	9.303.337.614	-	39.479.684.269	-
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Vĩnh Châu - TDC	-	-	27.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	9.303.337.614	-	12.479.684.269	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	15.801.744.196	-	15.341.481.882	-
<b>Tổng</b>	<b>1.003.302.650.449</b>	<b>-</b>	<b>586.147.242.700</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó phải thu khác các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>425.337.342.682</i>		<i>4.090.710.166</i>	

(i) Là khoản liên quan đến các Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Năng lượng FECON với các cá nhân; Thời hạn hợp tác: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết; Lợi ích từ việc hợp tác đầu tư: Tùy thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động của Công ty mục tiêu và cố gắng được nhận từ Công ty mục tiêu (nếu có), các Bên sẽ thỏa thuận việc phân chia lợi ích từ việc hợp tác đầu tư và lập thành văn bản, Phụ lục hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.669.258.655.738</b>	-	<b>1.662.011.105.914</b>	-
Nguyên liệu, vật liệu	15.230.435.660	-	17.426.221.038	-
Công cụ, dụng cụ	1.405.096.954	-	1.806.958.908	-
Chi phí SXKDDD	1.595.373.887.103	-	1.569.971.713.268	-
Thành phẩm	20.475.059.648	-	24.034.431.471	-
Hàng hóa	36.774.176.373	-	48.771.781.229	-
<b>Dài hạn</b>	<b>9.265.434.881</b>	-	-	-
Chi phí SXKDDD	9.265.434.881	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.678.524.090.619</b>	-	<b>1.662.011.105.914</b>	-

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>42.412.551.500</b>	<b>31.912.874.669</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	2.299.616.417	725.849.985
Chi phí bảo hiểm	944.598.843	905.615.111
Chi phí thuê kho, văn phòng	392.794.927	349.002.299
Chi phí mua phần mềm	1.350.192.689	1.423.371.054
Chi phí khác	37.425.348.624	28.509.036.220
<b>Dài hạn</b>	<b>106.013.439.576</b>	<b>110.253.641.667</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	23.288.916.073	31.028.443.017
Chi phí sửa chữa	2.107.691.406	1.464.644.193
Tiền thuê văn phòng, thuê tài sản	51.491.958.898	53.697.036.826
Chi phí phần mềm	21.450.000	68.880.918
Phí bảo hiểm	2.211.418.715	3.560.385.227
Chi phí khác	26.892.004.484	20.434.251.486
<b>Tổng</b>	<b>148.425.991.076</b>	<b>142.166.516.336</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2022	137.880.124.411	1.537.238.459.474	193.052.372.462	3.156.467.952	166.204.050.274	2.037.531.474.573
Tăng trong năm	539.364.104	119.436.294.163	8.861.891.503	6.950.746.116	3.134.883.609	138.923.179.495
Mua trong năm	493.253.400	86.162.914.524	4.050.634.189	295.930.180	910.804.000	91.913.536.293
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	31.971.879.517	3.571.470.471	-	-	35.543.349.988
Đầu tư XDCB hoàn thành	46.110.704	1.262.700.122	324.522.662	-	2.224.079.609	3.857.413.097
Phân loại lại	-	-	915.264.181	6.654.815.936	-	7.570.080.117
Tăng khác	-	38.800.000	-	-	-	38.800.000
Giảm trong năm	487.642.709	139.848.823.289	10.344.142.169	234.371.818	4.451.217.676	155.366.197.661
Thanh lý, nhượng bán	-	60.085.072.060	2.713.616.144	195.571.818	3.535.953.495	66.530.213.517
Chuyển sang tài sản thuê tài chính	-	39.980.418.786	6.858.347.427	-	-	46.838.766.213
Phân loại lại	-	6.654.815.936	-	-	915.264.181	7.570.080.117
Giảm do hợp nhất	487.642.709	33.128.516.507	772.178.598	-	-	34.388.337.814
Giảm khác	-	-	-	38.800.000	-	38.800.000
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>137.931.845.806</b>	<b>1.516.825.930.348</b>	<b>191.570.121.796</b>	<b>9.872.842.250</b>	<b>164.887.716.207</b>	<b>2.021.088.456.407</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2022	19.973.228.307	326.405.599.282	31.615.745.449	3.156.467.952	24.557.089.489	405.708.130.479
Tăng trong năm	13.462.960.794	99.224.282.477	11.054.508.674	389.806.481	15.043.810.811	139.175.369.237
Khấu hao trong năm	13.462.960.794	84.854.332.659	10.252.060.265	367.817.105	15.043.810.811	123.980.981.634
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	13.904.537.107	742.015.897	-	-	14.646.553.004
Tăng do hợp nhất	-	462.552.538	-	-	-	462.552.538
Phân loại lại	-	2.860.173	60.432.512	21.989.376	-	85.282.061
Giảm trong năm	449.741.641	72.206.736.653	1.886.146.992	163.470.208	1.839.628.411	76.545.723.905
Thanh lý, nhượng bán	-	23.325.185.197	1.211.272.829	160.610.035	1.757.274.061	26.454.342.122
Chuyển sang thuê tài chính	-	13.861.435.348	227.303.630	-	-	14.088.738.978
Phân loại lại	1	67.527	10	2.860.173	82.354.350	85.282.061
Giảm do hợp nhất	449.741.640	35.020.048.581	447.570.523	-	-	35.917.360.744
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>32.986.447.460</b>	<b>353.423.145.106</b>	<b>40.784.107.131</b>	<b>3.382.804.225</b>	<b>37.761.271.889</b>	<b>468.337.775.811</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2022	117.906.896.104	1.210.832.860.192	161.436.627.013	-	141.646.960.785	1.631.823.344.094
Tại 31/12/2022	104.945.398.346	1.163.402.785.242	150.786.014.665	6.490.038.025	127.126.444.318	1.552.750.680.596

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 1.320.990.606.436 đồng (Tại ngày 31/12/2021 là 1.402.449.847.406 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 102.946.053.459 đồng ( Tại ngày 31/12/2021 là 81.733.490.650 đồng).

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính***Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2022	253.616.749.465	8.890.410.162	262.507.159.627
Tăng trong năm	52.317.931.216	6.625.061.916	58.942.993.132
Thuê trong năm	52.317.931.216	6.625.061.916	58.942.993.132
Giảm trong năm	58.786.695.098	3.571.470.471	62.358.165.569
Mua lại tài sản thuê tài chính	58.786.695.098	3.571.470.471	62.358.165.569
Số dư tại 31/12/2022	247.147.985.583	11.944.001.607	259.091.987.190
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2022	32.308.073.500	1.884.400.496	34.192.473.996
Tăng trong năm	23.959.628.054	1.209.652.827	25.169.280.881
Khấu hao trong năm	23.959.628.054	1.209.652.827	25.169.280.881
Giảm trong năm	13.904.537.107	742.015.897	14.646.553.004
Mua lại tài sản thuê tài chính	13.904.537.107	742.015.897	14.646.553.004
Số dư tại 31/12/2022	42.363.164.447	2.352.037.426	44.715.201.873
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2022	221.308.675.965	7.006.009.666	228.314.685.631
Tại 31/12/2022	204.784.821.136	9.591.964.181	214.376.785.317



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2022	6.052.301.130	13.195.889.771	241.800.000	28.044.367.657	925.117.257	48.459.475.815
Tăng trong năm	-	7.803.260.043	-	792.946.304	-	8.596.206.347
Mua trong năm	-	7.803.260.043	-	792.946.304	-	8.596.206.347
Giảm trong năm	-	-	-	117.243.620	-	117.243.620
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	117.243.620	-	117.243.620
Số dư tại 31/12/2022	6.052.301.130	20.999.149.814	241.800.000	28.720.070.341	925.117.257	56.938.438.542
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2022	1.146.106.699	6.255.852.954	83.139.452	14.262.253.244	537.412.405	22.284.764.754
Tăng trong năm	-	1.655.573.550	30.225.000	3.446.834.105	40.536.237	5.173.168.892
Khấu hao trong năm	-	1.655.573.550	30.225.000	3.446.834.105	40.536.237	5.173.168.892
Giảm trong năm	-	-	-	58.819.903	-	58.819.903
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	58.819.903	-	58.819.903
Số dư tại 31/12/2022	1.146.106.699	7.911.426.504	113.364.452	17.650.267.446	577.948.642	27.399.113.743
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2022	4.906.194.431	6.940.036.817	158.660.548	13.782.114.413	387.704.852	26.174.711.061
Tại 31/12/2022	4.906.194.431	13.087.723.310	128.435.548	11.069.802.895	347.168.615	29.539.324.799

**5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí dự án trồng kê tại huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	17.377.531.333	16.906.543.928
Mua sắm tài sản cố định	9.117.719.465	9.550.027.615
Chi phí dự án Cụm công nghiệp Đoàn Bái-Danh Thắng Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (giai đoạn 2)	1.170.823.830	-
	-	509.090.909
<b>Tổng</b>	<b>27.666.074.628</b>	<b>26.965.662.452</b>

**5.13 Lợi thế thương mại**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi thế thương mại đầu năm	59.715.059.982	52.314.688.118
Lợi thế thương mại tăng trong năm	2.604.000.000	14.277.897.652
Lợi thế thương mại giảm trong năm	7.461.077.236	6.877.525.788
Lợi thế thương mại cuối năm	54.857.982.746	59.715.059.982

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.14 Phải trả người bán**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>709.797.462.112</b>	<b>709.797.462.112</b>	<b>1.048.908.369.492</b>	<b>1.048.908.369.492</b>
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	32.544.738.817	32.544.738.817	73.303.809.731	73.303.809.731
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	6.145.170.934	6.145.170.934	53.185.812.772	53.185.812.772
GEOHARBOUR Limited	36.973.395.673	36.973.395.673	36.816.311.641	36.816.311.641
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dung Trần	2.913.524.188	2.913.524.188	7.913.524.188	7.913.524.188
POWERCHINA HUADONG ENGINEERING CORPORATION LIMITED	-	-	24.753.983.800	24.753.983.800
Các đối tượng khác	631.220.632.500	631.220.632.500	852.934.927.360	852.934.927.360
<b>Tổng</b>	<b>709.797.462.112</b>	<b>709.797.462.112</b>	<b>1.048.908.369.492</b>	<b>1.048.908.369.492</b>
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>32.544.738.817</i>	<i>32.544.738.817</i>	<i>74.793.653.951</i>	<i>74.793.653.951</i>

**5.15 Người mua ứng tiền trước**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>286.769.356.420</b>	<b>354.059.702.076</b>
Công ty TNHH Techtronic Tools ( Việt Nam)	-	26.323.216.754
Công ty TNHH Phong điện Hòa Đông	3.056.906.604	37.269.610.938
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội	-	12.002.165.125
Công ty CP Gumada Land (HCMC)	-	4.584.366.828
Ban Quản lý dự án 7	8.275.880.074	24.551.683.000
Văn phòng chính phủ	689.611.588	20.031.600.000
Công ty TNHH PowerChina Việt Nam	-	9.293.113.264
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Phú Hải	16.896.233.312	15.330.875.159
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	14.504.686.398	-
Công ty China Harbour Engineering Co.,Ltd - Thủ phụ thi công xây dựng công trình biển da nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II	32.478.368.430	-
Các đối tượng khác	210.867.670.014	204.673.071.008
<b>Tổng</b>	<b>286.769.356.420</b>	<b>354.059.702.076</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
<b>Phải nộp</b>	<b>44.150.876.373</b>	<b>104.841.989.258</b>	<b>90.118.805.318</b>	<b>58.874.060.313</b>
Thuế giá trị gia tăng	7.692.186.200	36.608.713.167	32.229.606.523	12.071.292.844
Thuế XNK	-	23.760.560	23.760.560	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.039.399.971	32.678.219.941	30.082.668.597	31.634.951.315
- Phát sinh trong năm	29.039.399.971	31.901.144.905	29.305.593.561	31.634.951.315
- Điều chỉnh các năm trước	-	777.075.036	777.075.036	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.622.746.301	19.509.052.285	17.510.564.529	6.621.234.057
Thuế tài nguyên	1.470.277.000	3.289.076.000	4.409.353.000	350.000.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	21.600.000	21.600.000	-
Thuế nhà thầu	287.921.040	681.103.389	969.024.429	-
Thuế môn bài	-	32.000.000	32.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.038.345.861	11.998.463.916	4.840.227.680	8.196.582.097
<b>Tổng</b>	<b>44.150.876.373</b>	<b>104.841.989.258</b>	<b>90.118.805.318</b>	<b>58.874.060.313</b>

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
<b>Phải thu</b>	<b>2.294.696.597</b>	<b>28.119.970.766</b>	<b>31.165.091.893</b>	<b>5.339.817.724</b>
Thuế GTGT	388.642	388.642	2.030.300.677	2.030.300.677
Thuế XNK	1.861.615.269	27.709.500.835	27.789.222.028	1.941.336.462
Thuế thu nhập doanh nghiệp	428.418.634	31.125.441	-	397.293.193
Thuế thu nhập cá nhân	4.274.052	4.274.052	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	69.349.763	138.699.526	69.349.763
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	305.332.033	1.206.869.662	901.537.629
<b>Tổng</b>	<b>2.294.696.597</b>	<b>28.119.970.766</b>	<b>31.165.091.893</b>	<b>5.339.817.724</b>

**5.17 Chi phí phải trả**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>158.394.891.906</b>	<b>466.586.353.729</b>
Lãi vay phải trả	-	9.112.260
Trích trước chi phí các công trình	156.826.030.069	458.349.117.627
Trích trước chi phí khác	1.568.861.837	8.228.123.842
<b>Tổng</b>	<b>158.394.891.906</b>	<b>466.586.353.729</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>123.266.047.838</b>	<b>72.440.223.420</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	121.600
Kinh phí công đoàn	2.882.140.076	2.117.137.107
Bảo hiểm xã hội	716.011.826	1.137.470.167
Bảo hiểm y tế	152.334.423	394.347.582
Bảo hiểm thất nghiệp	79.950.977	110.227.553
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	157.326.335	4.237.926.335
Phải trả phải nộp khác	119.278.284.201	64.442.993.076
Cổ tức phải trả	<i>55.840.164.254</i>	<i>123.486.173</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư công nghệ Ecotech Việt Nam	-	25.873.559.000
Công ty TNHH Geoharbour Holding (*)	9.955.679.021	9.955.679.021
Phải trả, phải nộp khác	53.482.440.926	28.490.268.882
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>54.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng	-	54.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>123.266.047.838</b>	<b>126.440.223.420</b>
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>755.124.163</i>	<i>744.922.110</i>

(\*): Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 09/01/2018 giữa bên chuyển nhượng Công ty TNHH Geoharbour Holding và Bên nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần FECON; Cổ phần chuyển nhượng: Cổ phần của Công ty Cổ phần Xử lý nền và xây dựng FECON; Số lượng: 5.070.857 cổ phần; Giá chuyển nhượng: 47.095.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay**

	31/12/2022 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.766.741.053.406</b>	<b>1.766.741.053.406</b>	<b>3.073.542.091.166</b>	<b>2.638.433.482.341</b>	<b>1.331.632.444.581</b>	<b>1.331.632.444.581</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (1)	657.125.733.998	657.125.733.998	1.088.545.701.823	1.026.861.057.916	595.441.090.091	595.441.090.091
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	6.873.761.880	6.873.761.880	12.547.243.532	7.055.352.146	1.381.870.494	1.381.870.494
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Sở Giao dịch (2)	248.191.046.081	248.191.046.081	398.360.770.751	384.908.541.988	234.738.817.318	234.738.817.318
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Phú Nhuận (3)	75.536.644.057	75.536.644.057	243.896.214.366	196.984.599.523	28.625.029.214	28.625.029.214
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Chi nhánh Đông Anh (4)	5.993.632.385	5.993.632.385	41.557.705.485	75.672.399.103	40.108.326.003	40.108.326.003
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội (5)	25.339.273.819	25.339.273.819	37.027.085.420	42.101.829.241	30.414.017.640	30.414.017.640
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm (6)	44.742.750.002	44.742.750.002	193.423.755.445	225.264.497.929	76.583.492.486	76.583.492.486
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (7)	130.714.190.690	130.714.190.690	223.610.810.033	164.202.394.239	71.305.774.896	71.305.774.896
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thanh Xuân (8)	87.982.878.618	87.982.878.618	174.765.673.151	163.939.010.595	77.156.216.062	77.156.216.062
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- CN Hồ Chí Minh	-	-	9.913.287.969	21.388.610.518	11.475.322.549	11.475.322.549
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (9)	76.748.442.122	76.748.442.122	165.249.488.376	96.201.046.254	7.700.000.000	7.700.000.000
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ (10)	31.589.480.481	31.589.480.481	53.787.295.001	42.131.323.561	19.933.509.041	19.933.509.041
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Khối ngân hàng bán buôn (11)	23.019.011.107	23.019.011.107	30.502.157.907	15.255.179.793	7.772.032.993	7.772.032.993
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (12)	52.009.899.204	52.009.899.204	53.854.576.544	38.620.327.211	36.775.649.871	36.775.649.871

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

a. Vay	31/12/2022 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long (13)	88.653.069.082	88.653.069.082	99.190.026.099	37.617.492.603	27.080.535.586	27.080.535.586
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long	-	-	-	37.546.738.566	37.546.738.566	37.546.738.566
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng, Tp.Hồ Chí Minh	-	-	-	9.880.380.000	9.880.380.000	9.880.380.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Hà Nội	-	-	2.571.354.401	2.571.354.401	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3.219.170.061	3.219.170.061	28.875.494.285	25.656.324.224	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (14)	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-	-
FeMa HoldCo Pte Limited (15)	18.292.495.600	18.292.495.600	18.292.495.600	-	-	-
Vay các đối tượng khác	33.720.954.978	33.720.954.978	37.820.954.978	21.813.641.771	17.713.641.771	17.713.641.771
<b>Trái phiếu thường</b>						
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí (16)	122.563.636.364	122.563.636.364	125.000.000.000	2.436.363.636	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (17)	23.424.982.877	23.424.982.877	23.750.000.000	325.017.123	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

	31/12/2022 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>825.948.158.203</b>	<b>825.948.158.203</b>	<b>184.619.160.445</b>	<b>371.565.131.347</b>	<b>1.012.894.129.105</b>	<b>1.012.894.129.105</b>
Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội - CN Sở Giao Dịch 1	-	-	-	905.968.800	905.968.800	905.968.800
Ngân hàng TMCP Quân đội (18)	745.191.529.954	745.191.529.954	29.268.526.095	41.012.336.393	756.935.340.252	756.935.340.252
SHOWA LEASING.,LTD	-	-	-	515.400.000	515.400.000	515.400.000
Vay Công ty Shanghai Harbour Brunei (19)	44.009.705.032	44.009.705.032	-	-	44.009.705.032	44.009.705.032
Trần Ngọc Dương (20)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam	-	-	-	446.666.676	446.666.676	446.666.676
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailase – Chi nhánh Hà Nội	1.493.333.351	1.493.333.351	-	559.999.992	2.053.333.343	2.053.333.343
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (21)	23.253.589.866	23.253.589.866	-	22.972.338.370	46.225.928.236	46.225.928.236
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Kinh Đô	-	-	86.923	256.057.480	255.970.557	255.970.557
<b>Trái phiếu thường</b>						
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí	-	-	154.313.030.304	233.646.363.636	79.333.333.332	79.333.333.332
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	-	1.037.517.123	71.250.000.000	70.212.482.877	70.212.482.877

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

	31/12/2022 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Thuê tài chính</b>	<b>115.320.264.652</b>	<b>115.320.264.652</b>	<b>72.290.755.746</b>	<b>84.699.465.105</b>	<b>127.728.974.011</b>	<b>127.728.974.011</b>
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.018.144.626	6.018.144.626	-	4.176.485.016	10.194.629.642	10.194.629.642
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	47.528.160.091	47.528.160.091	39.930.017.947	21.672.865.084	29.271.007.228	29.271.007.228
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	10.612.382.665	10.612.382.665	-	20.250.548.379	30.862.931.044	30.862.931.044
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	7.952.833.837	7.952.833.837	8.410.477.090	6.913.509.250	6.455.865.997	6.455.865.997
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumit Trust - CN Hà Nội	35.963.188.001	35.963.188.001	15.790.138.537	30.086.251.856	50.259.301.320	50.259.301.320
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	2.873.562.460	2.873.562.460	3.660.129.200	1.471.805.520	685.238.780	685.238.780
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đô	4.371.992.972	4.371.992.972	4.499.992.972	128.000.000		
<b>Tổng</b>	<b>2.708.009.476.261</b>	<b>2.708.009.476.261</b>	<b>3.330.452.007.357</b>	<b>3.094.698.078.793</b>	<b>2.472.255.547.697</b>	<b>2.472.255.547.697</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)****h. Nợ thuê tài chính**

	Năm 2022 (VND)			Năm 2021 (VND)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	128.000.000	-	128.000.000	-	-	-
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.898.999.352	722.514.336	4.176.485.016	10.391.445.200	554.867.681	9.836.577.519
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	24.838.404.510	3.165.539.426	21.672.865.084	14.804.547.574	1.804.672.324	12.999.875.250
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease - CN Hà Nội	7.621.806.048	708.296.798	6.913.509.250	6.603.819.128	781.459.360	5.822.359.768
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	21.424.266.080	1.173.717.701	20.250.548.379	39.566.150.934	2.258.528.763	37.307.622.171
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín	-	-	-	221.674.436	3.757.800	217.916.636
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumit Trust - CN Hà Nội	33.019.466.782	2.933.214.926	30.086.251.856	36.956.954.312	3.881.811.880	33.075.142.432
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	1.521.820.263	50.014.743	1.471.805.520	459.221.077	85.454.317	373.766.760
<b>Tổng</b>	<b>93.452.763.035</b>	<b>8.753.297.930</b>	<b>84.699.465.105</b>	<b>109.003.812.661</b>	<b>9.370.552.125</b>	<b>99.633.260.536</b>

(I) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/132625/HĐTDHM ngày 14/7/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng 1.500 tỷ đồng trong đó hạn mức vay vốn, LC, bảo lãnh thanh toán là 700 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 800 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, tối đa tới ngày 31/7/2023. Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/3993901/HĐTD ngày 05/08/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 200.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, Bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày mở hợp đồng nhưng không quá 05/8/2023. Biện pháp bảo đảm: các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thể chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày, và sau ngày của hợp đồng này. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/12745542/HĐTD ngày 05/9/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON. Hạn mức tín dụng là 130.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay ngắn hạn, L/C, bảo lãnh thanh toán là 60 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 70 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: tối đa đến ngày 31/07/2023. Lãi suất cho vay xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: Máy ép cọc DTZ 718; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508(N59902); Máy đóng cọc Hitachi PD100; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508-105M(N56702); Máy đóng cọc Sumitomo LS218 RH5; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH608-120M; Bộ búa đóng cọc thủy lực DKH-13; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508-105M(N59202); Máy đóng cọc Nippon Saryo DH558-110M; Trạm trộn bê tông công suất 120m<sup>3</sup>/h; Bộ máy bơm Hitachi trục vít 120HP (xuất xứ Nhật); và Xe ô tô Ford Rang.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/6233431/HĐTD ngày 13/09/2022 giữa bên cấp tín dụng Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam và bên được cấp tín dụng Công ty Cổ phần đầu tư FECON. Hạn mức cấp tín dụng 120.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian cấp hạn mức: tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay, bảo lãnh, L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp đảm bảo: Các hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ký quỹ được thực hiện trước và sau ngày của hợp đồng này mà điều khoản phạm vi đảm bảo của các hợp đồng đảm bảo bao gồm hợp đồng này.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 108516.22.002.966899.TD ngày 19/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng 750 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 300 tỷ đồng, hạn mức thấu chi là 4 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 20 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 450 tỷ đồng, hạn mức phát hành LC (không gồm LC xuất khẩu) là 20 tỷ đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, LC phục vụ hoạt động xây dựng của khách hàng. Thời hạn cấp tín dụng tối đa đến ngày 30/11/2023. Lãi suất cho vay được quy định chi tiết theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại Hợp đồng.

Hợp đồng cấp tín dụng số 18278.081.5575330.TD ngày 1/6/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON. Hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay là 100 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 50 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 50 tỷ đồng. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh xây lắp. Thời hạn cấp tín dụng: từ ngày ký hợp đồng đến ngày 1/4/2023. Lãi suất: Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Chi tiết về việc đảm bảo tiền vay được quy định cụ thể tại hợp đồng đảm bảo ký giữa ngân hàng và công ty hoặc bên thứ ba.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 35.22.226.2831023.TD ngày 04/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Phú Nhuận và Công ty Cổ phần FECON South. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp của khách hàng. Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 27/12/2022; Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Hình thức bảo đảm: Tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, hợp đồng tiền gửi, thế chấp và giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành, trái phiếu chính phủ và tin phiếu kho bạc. Hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm do TCTD khác phát hành, BDS, Phương tiện vận tải. Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang, quyền đòi nợ đã hình thành từ phương án. Hợp đồng tiền gửi số: 53346.21.226.2831023.TG.DN và 53129.21.226.2831023.TG.DN. Quyền phát sinh từ hợp đồng giao thầu số 66/2021/HĐ-BCU.FECON ký ngày 13/7/2021 và các Phụ lục kèm theo hợp đồng và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(4) Hợp đồng cấp tín dụng số 64493.21.031.5207909.TD ngày 25/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh; Hạn mức tín dụng 1 là 17.250.000.000 đồng, doanh số giải ngân tối đa 25.785.000.000 đồng; Hạn mức tín dụng 2 là 34.500.000.000 đồng, doanh số giải ngân tối đa 51.750.000.000 đồng. Tại thời điểm cấp tín dụng, Hạn mức tín dụng 1 có hiệu lực, Hạn mức tín dụng 2 chưa có hiệu lực. Hạn mức tín dụng 2 chỉ phát sinh hiệu lực khi khách hàng có nhu cầu sử dụng vượt giá trị của Hạn mức tín dụng 1 và khách hàng có đề nghị gửi MB và được MB chấp thuận; Thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/06/2022; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn phục vụ thi công theo Hợp đồng xây lắp số 0910/2021/LH2/IPC-FC1 ngày 09/10/2021 về việc cung cấp vật tư và thi công cọc cho móng tuabin điện gió - Dự án Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 và Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC; Lãi suất theo văn bản nhận nợ của khách hàng với MB; Biện pháp đảm bảo gồm tiền ký quỹ, tiền gửi của MB, tối thiểu 15% nghĩa vụ đảm bảo bằng tài sản độc lập, tối đa 85% nghĩa vụ đảm bảo bằng hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ, bảo đảm theo quy định cụ thể tại hợp đồng bảo đảm ký giữa MB và khách hàng.

(5) Hợp đồng tín dụng số 18416/22MB/HĐTD ngày 21/6/2022 giữa Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 100 tỷ đồng bao gồm toàn bộ số dư theo hợp đồng tín dụng số 10122/21MB/HĐTD ngày 09/6/2021 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Trong đó hạn mức cho vay không vượt quá 50 tỷ đồng, hạn mức cấp bảo lãnh không vượt quá 100 tỷ đồng, hạn mức phát hành thư tín dụng (LC) không vượt quá 100 tỷ đồng.; Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 21/06/2022; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng là cho vay, phát hành bảo lãnh, phát hành LC phục vụ thi công dự án, công trình, hợp đồng do bên được cấp tín dụng thực hiện; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ/Hợp đồng cấp tín dụng/ Hợp đồng cấp bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ là Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và/hoặc đã hình thành từ hợp đồng thi công và các phụ lục sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) giữa bên được cấp tín dụng và bên thanh toán và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty Cổ phần FECON và/hoặc Bên thứ ba.

(6) Hợp đồng cấp tín dụng số 005/2022-HĐCVHM/NHCT903-FECON SOUTH JSC ngày 18/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm và Công ty Cổ phần FECON South. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp của bên vay. Thời hạn vay: Được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 8 tháng và được duy trì hạn mức đến ngày bên Vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn duy trì hạn mức từ 18/01/2022 đến hết ngày 15/01/2023. Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ Hình thức đảm bảo tiền vay Tài sản đảm bảo là các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng cho vay có quy định hoặc dẫn đến nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho vay.

(7) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 16/2022/HĐTD/TTKHDNL MB2/01 ngày 30/3/2022 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 500 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay tối đa là 200 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh tối đa là 500 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp và lắp đặt của khách hàng; Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức theo từng phương án kinh doanh đảm bảo không vượt quá 9 tháng/khế ước nhận nợ, được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ giữa TPBank và khách hàng; Lãi suất cho vay được quy định tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng; Biện pháp bảo đảm: Theo các hợp đồng bảo đảm và hợp đồng thế chấp tài sản, ký quỹ giữa ngân hàng và khách hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 45/2022/HDTD/TTKD BTL ngày 16/06/2022 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON. Hạn mức tín dụng 140.000.000.000 (Tám mươi tỷ đồng chẵn); Thời hạn: 12 tháng, Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh theo từng lần giải ngân và quy định trong từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ và các biện pháp bảo đảm khác.

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 02/2022/HDTD/TTKD BTL/01 ngày 10/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bắc Từ Liêm và Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON. Hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay 80 tỷ đồng đồng, hạn mức L/C 20 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh 100 tỷ đồng. Lãi suất cho vay xác định theo từng khế ước giải ngân và nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công nền móng và công trình ngầm. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn của các khoản vay không vượt quá 08 tháng. Tài sản đảm bảo các hợp đồng thế chấp tài sản giữa Công ty và Ngân hàng.

(8) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 244/2022HDTD/TXN ngày 11/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON; Hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng, hạn mức cho vay 120 tỷ đồng, hạn mức L/C 120 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 150 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, xây lắp của Công ty; Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng cầm cố tài sản số 64/2021/HDBD/TXN/04 ngày 18/05/2021, hợp đồng thế chấp tài sản số 130/2020/HDBD/TXN/02 ngày 04/02/2021, hợp đồng bảo đảm ký kết trước, trong và sau ngày hiệu lực của Hợp đồng này.

(9) Hợp đồng tín dụng số 199990722 ngày 05/05/2022 giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 200 tỷ đồng bao gồm cho vay ngắn hạn và cam kết bảo lãnh; Mục đích cấp tín dụng: Đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Bên được cấp tín dụng; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất: Thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất; Tài sản đảm bảo: Quyền phải thu từ các hợp đồng kinh tế cụ thể do VIB tài trợ (ngoại trừ các đối tác Bitexco, Cienco, Công ty Nam Cường, các đối tác có vốn/Công ty mẹ thuộc sở hữu Trung Quốc/Đài Loan; Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm đối với hạn mức bảo lãnh dự thầu tối đa 30 tỷ đồng và bảo lãnh bảo hành tối đa 10 tỷ đồng.

(10) Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-2021.01001 ngày 12/10/2021 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 350 tỷ đồng bao gồm cho vay, cam kết bảo lãnh (trừ bảo lãnh vay vốn, xác nhận bảo lãnh và bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng của các tổ chức khác) và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật và Agribank, trong đó hạn mức cho vay tối đa là 200 tỷ đồng; Thời hạn cho vay là theo từng giấy nhận nợ cụ thể, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 05/10/2021; Mục đích vay: vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2021 - 2022 ; Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ. Cho vay có đảm bảo một phần bằng tài sản, tài sản đến đâu giải ngân đến đó, đảm bảo tại mọi thời điểm duy trì được tỷ lệ tài sản nền trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(11) Theo hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu (áp dụng với Chiết khấu BCT kèm hồi phiếu theo phương thức thanh toán trả sau) số MMD202113398490/HĐHMCK ngày 28/04/2021 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Công ty Cổ phần FECON; Giá trị hạn mức chiết khấu BCT kèm hồi phiếu theo phương thức thanh toán trả sau: 60 tỷ đồng; Tỷ lệ chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau: Tỷ lệ chiết khấu tối đa là 100% giá trị hồi phiếu hoặc hóa đơn. Mục đích sử dụng tiền chiết khấu BCT: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, được nêu cụ thể tại đề nghị chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất và phí chiết khấu được quy định cụ thể trên đề nghị chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau; Đồng tiền BTT là VND; Biện pháp bảo đảm theo quy định của Techcombank từng thời kỳ được quy định cụ thể trong các hợp đồng bảo đảm. Đây là hình thức thực hiện khi Fecon nhận một số khoản thanh toán của chủ đầu tư thuộc hệ thống VinGroup.

Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2022553500/HDHM/CK ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 cấp hạn mức chiết khấu 15.000.000.000 đồng. Thời hạn cung cấp hạn mức chiết khấu là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất được nêu cụ thể trên Đề nghị chiết khấu.

(12) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/19202 ngày 03/01/2020, Bản sửa đổi thứ nhất Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/20227 ngày 25/12/2020 và Bản sửa đổi thứ hai Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/21215 ngày 25/11/2021 giữa Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức vay tài trợ thương mại 200 tỷ đồng; Mục đích: Tài trợ nhập khẩu, mua vật liệu, hàng hóa và các dịch vụ trong nước; Lãi suất: 1,5% cộng với chi phí huy động vốn tùy từng thời điểm hoặc một mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên tại Đơn yêu cầu tùy từng thời điểm (trên cơ sở một năm 365 ngày); Kỳ hạn tối đa 6 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Hạn mức bảo lãnh 200 tỷ đồng; Mục đích: Dành cho việc phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh ứng trước, bảo lãnh bảo hành; Kỳ hạn tối đa lên đến 03 năm cho tất cả các bảo lãnh ngoại trừ bảo lãnh thanh toán chỉ lên đến 01 năm; Bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh ứng trước được giới hạn ở mức 10% - 15% giá trị hợp đồng hoặc tùy vào quyết định của ngân hàng; Biện pháp bảo đảm: Thế chấp các hợp đồng của bên vay được ngân hàng tài trợ sẽ phải đăng ký giao dịch bảo đảm (không áp dụng cho bảo lãnh dự thầu), bất kì biện pháp bảo đảm hoặc hỗ trợ tín dụng nào khác có thể được cung cấp cho ngân hàng tùy từng thời điểm.

(13) Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT326-FECON ngày 22/4/2022 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cho vay 260.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 22/4/2022 đến hết ngày 22/4/2023; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC phục vụ hoạt động SXKD của bên vay; Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo mà bên vay và/hoặc tổ chức/cá nhân khác ký kết với bên cho vay và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác.

(14) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 2022-00145-000 ngày 18/7/2022 giữa Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (VILC) và Công ty Cổ phần FECON; Số tiền vay: 11 tỷ đồng; Ngày đến hạn liên quan đến từng lần giải ngân theo Hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày giải ngân.

(15) Theo thỏa thuận vay ngày 22/6/2022 giữa bên cho vay FeMa HoldCo Pte. Limited và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon; Số tiền vay: 1.250.000 USD để chuẩn bị cho dự án điện gió ngoài khơi 500MW tại Vũng Tàu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(16) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 1406/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 14/06/2022, 1606/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 16/06/2022, 2306/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 23/6/2022 và 1107/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 11/07/2022 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (Nhà đầu tư); Hợp đồng tư vấn chào bán và đại lý phát hành trái phiếu số 749/2022/TVĐLPH/FCN-PSI ngày 06/6/2022; Hợp đồng đại lý lưu ký và thanh toán số 755/2022/HĐĐLLK/FCN-PSI ngày 06/6/2022; Hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 756/2022/HĐQLTSBĐ/FCN-PSI ngày 06/06/2022. Trái phiếu được phát hành cho các nhà đầu tư dưới hình thức chào bán riêng lẻ. Mệnh giá mỗi trái phiếu là 1.000.000 đồng. Số lượng trái phiếu phát hành 150.000 trái phiếu; Kỳ tính lãi 03 tháng một lần; Biện pháp bảo đảm: Cổ phần của Tổ chức phát hành tại Công ty Cổ phần Đầu tư FECON và Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON..

(17) Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2021/HĐĐMTP/TPBANK-FECON ngày 15/06/2021 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Bên mua Trái phiếu); Mệnh giá một trái phiếu 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Giá phát hành 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Số lượng trái phiếu được mua: 95.000 Trái phiếu; Tổng giá trị được mua 95 tỷ đồng; Cam kết mua lại trái phiếu: Công ty Cổ phần FECON mua lại trái phiếu vào các tháng thứ 3,6,9,12,15,18,21 tháng kể từ ngày phát hành Trái phiếu mỗi đợt mua lại 11,875 tỷ đồng; kỳ hạn trái phiếu là 24 tháng; Ngày thanh toán gốc: trừ khi trái phiếu được mua lại trước hạn theo các điều kiện và điều khoản trái phiếu, tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn; Ngày thanh toán lãi: Việc thanh toán lãi sẽ được thực hiện vào Ngày thanh toán lãi/ngày đáo hạn/ngày mua lại trước hạn/ngày mua lại định kỳ/ngày các trái phiếu đến hạn thanh toán theo nguyên nhân khác. Tài sản đảm bảo: 3 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần FECON (cổ phiếu niêm yết) thuộc sở hữu của ông Phạm Việt Khoa; 10.099.500 cổ phần Công ty Cổ phần FECON South thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần FECON; 5.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng FECON thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần FECON, Quyền tài sản từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC1, BCC2).

(18) Theo hợp đồng cho vay số 355.20.031.7109327.TD ngày 03/12/2020 giữa bên vay Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng và bên cho vay Ngân hàng TMCP Quân Đội; Phương thức cho vay: Cho vay dài hạn; Số tiền vay 900.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Tài trợ thanh toán các chi phí xây dựng, thiết bị để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng – Giai đoạn I tại xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Thời hạn cho vay 168 tháng (14 năm); Thời hạn rút vốn vay tối đa 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không muộn hơn 31/12/2021; Lãi suất thả nổi được quy định tại các văn bản nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Tiền – Thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi-Giấy tờ có giá, Tài sản khác, Động sản (Quyền tài sản và các quyền, các khoản thu, lợi tức phát sinh từ Dự án, Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Dự án), Bất động sản (Công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc Dự án,...)

(19) Khoản vay Công ty TNHH Shanghai Harbour Brunei theo Hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 01/6/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 02 tháng 5 năm 2012; thời hạn hợp đồng tối đa 72 tháng, lãi suất vay 0%. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay gốc nguyên tệ tại ngày 31/12/2020 là: 1.935.768,86 USD.

(20) Hợp đồng vay tiền số 0810/2019/HĐ-KT.FECON ngày 11/5/2020 giữa ông Trần Ngọc Dương (Tư cách là bên cho vay) và Công ty Cổ phần FECON; Số tiền vay là 12 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay 24 tháng; phương thức trả lãi vào ngày 20 hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; Bảo đảm của bên vay: Bên vay bảo đảm bằng mọi biện pháp, bao gồm tất cả và toàn bộ số dư tài khoản tại ngân hàng, các tài sản (bao gồm bất động sản và động sản) mà bên vay là chủ sở hữu hợp pháp, bất kể ở thời điểm hiện tại và tương lai để hoàn trả khoản vay/hoặc các tài khoản tiền mà bên vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

#### 5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(21) Gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay số 280/2019/GNN/PHG/01 ngày 17/6/2019. Số tiền vay là 3.900.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy bơm 2-SHAFT-AUGER theo hợp đồng số 12/2019/HD-KH.FCU ký ngày 08/4/2019 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Sung Won Heavy Machinery Co.,Ltd. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 305/2019/HDTD/PHG/01 ngày 01/7/2019. Số tiền vay là 1.067.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ đi lại nội bộ theo Hợp đồng mua bán số 2406-04/2019/HĐMB-TG ký ngày 24/6/2019 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Công ty Cổ phần Hà Thành Ô tô. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày 05/7/2019. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.

- Hợp đồng cho vay số 215/2017/HDTD/PHG/03 ngày 20/9/2019. Số tiền vay là 622.680.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo Hợp đồng số 29/2019/HĐ-KH.FCU. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày kể tiếp ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất linh hoạt theo từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Biện pháp đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi trường an lộc số HDTG/190414/PHG/1818189900E phát hành ngày 19/4/2019.

- Hợp đồng cho vay số 64/2021/HDTD/PHG/01 Ngày 12/03/2021 giữa bên cho vay: Ngân hàng TMCP Tiên phong và bên được cấp tín dụng: Công ty Cổ phần Công trình Ngầm FECON Số tiền vay: 130.000.000.000 VND Mục đích vay: cho vay trung hạn đầu tư thiết bị và các hạng mục , hệ thống phụ trợ phục vụ hợp đồng giao thầu số 149A9/2020/HĐ-BCU.FECON hạng mục hỗ trợ vận hành máy khoan TBM, gói thầu CP03- đường hầm và ga ngầm- Dự án tuyến đường sắt đô thị Nhổn- Hà Nội ký ngày 03/09/2020 Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON và Công ty Cổ phần FECON. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn vay: 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng kế ước nhận nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.20 Vốn chủ sở hữu****a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>1.254.390.050.000</b>	<b>418.206.069.395</b>	<b>10.039.280.000</b>	<b>(13.935.465.178)</b>	<b>334.081.396.957</b>	<b>254.161.637</b>	<b>212.288.658.729</b>	<b>287.590.342.306</b>	<b>2.502.914.493.846</b>
Bán cổ phiếu quỹ cao	-	5.847.994.822	-	13.935.465.178	-	-	-	-	19.783.460.000
Tăng vốn	320.000.000.000	95.752.500.000	-	-	-	-	-	12.000.000.000	427.752.500.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	68.374.412.603	2.407.373.165	70.781.785.768
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(37.631.701.500)	(3.352.985.908)	(40.984.687.408)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(10.064.143.402)	(625.037.578)	(10.689.180.980)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	(1.398.450.469)	-	(3.820.746.359)	953.031.189	(4.266.165.639)
Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế và nộp bổ sung	-	(2.250.000.000)	-	-	-	-	(7.491.704.245)	-	(9.741.704.245)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	28.874.866	-	28.874.866
Trích quỹ đầu tư phát triển tại các Công ty con	-	-	-	-	1.108.425.584	-	(1.108.425.584)	-	-
Trích thưởng Ban điều hành, HĐQT và Giám khác (Các khoản truy phạt thuế điều chỉnh Cty con)	-	-	-	-	-	-	(1.570.772.916)	(220.805.605)	(1.791.578.521)
Điều chỉnh liên quan đến Hợp nhất	-	-	-	-	-	-	564.047.742	(59.105.538)	504.942.204
	-	-	-	-	-	-	(1.130.220.822)	(23.981.219.022)	(25.111.439.844)
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>1.574.390.050.000</b>	<b>517.556.564.217</b>	<b>10.039.280.000</b>	<b>-</b>	<b>333.791.372.072</b>	<b>254.161.637</b>	<b>218.438.279.112</b>	<b>274.711.593.009</b>	<b>2.929.181.300.047</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>1.574.390.050.000</b>	<b>517.556.564.217</b>	<b>10.039.280.000</b>	<b>-</b>	<b>333.791.372.072</b>	<b>254.161.637</b>	<b>218.438.279.112</b>	<b>274.711.593.009</b>	<b>2.929.181.300.047</b>
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	537.142.500.000	537.142.500.000
Mua Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	19.704.000.000	19.704.000.000
Giảm vốn Công ty con	-	-	-	-	-	-	9.088.953.418	(1.399.261.170)	7.689.692.248
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	39.609.034.957	11.991.544.072	51.600.579.029
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	-	-	-	(47.231.701.500)	(6.725.077.602)	(53.956.779.102)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(8.646.982.590)	(419.707.136)	(9.066.689.726)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	2.623.739.953	9.668.534	(4.200.226.573)	1.566.818.086	-
Trích quỹ đầu tư phát triển tại các Công ty con (i)	-	-	-	-	748.492.376	-	(748.492.376)	-	-
Trích thưởng Ban điều hành, HĐQT và BKS (i)	-	-	-	-	-	-	(1.901.038.968)	(154.833.670)	(2.055.872.638)
Phạt thuế	-	-	-	-	-	-	(2.256.749.451)	245.168.357	(2.011.581.094)
Thanh lý tài sản mua bán nội bộ Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	5.147.447.438	-	5.147.447.438
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(27.049.567)	(23.113.765)	(50.163.332)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>1.574.390.050.000</b>	<b>517.556.564.217</b>	<b>10.039.280.000</b>	<b>-</b>	<b>337.163.604.401</b>	<b>263.830.171</b>	<b>207.271.473.900</b>	<b>836.639.630.181</b>	<b>3.483.324.432.870</b>

(i): Phân phối lợi nhuận và trích quỹ trong năm là phần trích các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	1.574.390.050.000	1.254.390.050.000
Vốn góp tăng trong năm	-	320.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>55.878.684.090</b>	<b>47.695.844.902</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>157.439.005</b>	<b>157.439.005</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>157.439.005</b>	<b>157.439.005</b>
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	157.439.005
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>157.439.005</b>	<b>157.439.005</b>
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	157.439.005
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	231.358.192.635	160.047.523.766
Doanh thu xây lắp	2.648.284.220.013	3.218.002.263.465
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.588.052.499	105.422.510.130
Doanh thu bán điện	142.299.263.816	747.091.232
<b>Tổng</b>	<b>3.045.529.728.963</b>	<b>3.484.219.388.593</b>
<i>Trong đó Doanh thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>23.835.507.994</i>	<i>32.919.981.833</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.2 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	202.604.325.593	108.200.707.707
Giá vốn của hoạt động xây lắp	2.407.385.155.904	2.829.317.930.145
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.404.187.820	76.800.040.895
Giá vốn bán điện	75.884.542.775	188.293.944
<b>Tổng</b>	<b>2.689.278.212.092</b>	<b>3.014.506.972.691</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.401.954.936	8.571.595.574
Doanh thu bán khoản đầu tư	145.052.094.399	4.594.389.082
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	107.827.421	477.918.050
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.173.564.017	4.262.730.315
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.220.000.750	1.025.023.500
Doanh thu tài chính khác	645.163.473	11.499.180
<b>Tổng</b>	<b>168.600.604.996</b>	<b>18.943.155.701</b>
<i>Trong đó Doanh thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>2.329.999.999</i>	<i>2.329.999.999</i>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	212.398.541.759	145.670.784.482
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	10.015.355.316	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	478.422.953	789.350.370
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.935.716.037	926.848.978
Chi phí tài chính khác	3.676.032.280	4.878.122.622
<b>Tổng</b>	<b>228.504.068.345</b>	<b>152.265.106.452</b>
<i>Trong đó chi phí với các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>79.740.492</i>	<i>-</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>26.794.089.460</b>	<b>25.239.575.877</b>
Chi phí nhân viên	16.951.839.255	16.322.626.054
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.377.405.145	776.582.642
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	200.230.938	375.305.640
Chi phí khấu hao TSCĐ	572.488.582	364.483.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.316.251.483	1.880.139.425
Chi phí bằng tiền khác	6.375.874.057	5.520.438.457
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>214.701.491.537</b>	<b>200.099.244.674</b>
Chi phí nhân viên quản lý	125.295.811.164	131.085.471.755
Chi phí vật liệu quản lý	1.408.521.544	893.249.753
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.955.683.427	4.195.879.112
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.199.761.544	6.802.704.554
Thuế phí và lệ phí	3.918.267.580	4.355.925.601
Chi phí dự phòng	-	147.920.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.977.337.668	27.225.352.561
Chi phí bằng tiền khác	14.804.611.997	18.650.942.330
Lợi thế thương mại	7.461.077.236	6.877.525.788
<i>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>(319.580.623)</i>	<i>(135.726.780)</i>
Hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu	(319.580.623)	(135.726.780)
<b>Tổng</b>	<b>241.495.580.997</b>	<b>225.338.820.551</b>

**6.6 Thu nhập khác /Chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý tài sản, vật tư, CCDC	7.131.579.570	1.547.083.149
Thu tiền bồi thường	141.871.877	4.643.090.531
Thanh lý phế liệu thu hồi		11.800.000
Thu nhập từ thưởng vượt mức, hoàn thành kế hoạch	2.200.270.062	-
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác sử dụng chung đường dây truyền tải điện nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	54.545.454.545	-
Các khoản khác	867.604.284	509.795.934
<b>Tổng</b>	<b>64.886.780.338</b>	<b>6.711.769.614</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản, CCDC và chi phí thanh lý	693.230.552	38.356.010
Các khoản chi phí do ngừng sản xuất	441.933.605	2.882.898.430
Phạt vi phạm hợp đồng	1.994.565.547	1.642.539.949
Phạt an toàn lao động	-	263.850.000
Chi phí sử dụng chung đường dây truyền tải điện nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	30.000.000.000	
Chi phí nộp phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	2.065.613.102	1.603.771.080
Chi phí khác	6.237.687.645	1.514.167.538
<b>Tổng</b>	<b>41.433.030.451</b>	<b>7.945.583.007</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>23.453.749.887</b>	<b>(1.233.813.393)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	31.932.270.346	38.927.106.131
<b>Tổng</b>	<b>31.932.270.346</b>	<b>38.927.106.131</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>51.600.579.029</b>	<b>70.781.785.768</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	11.991.544.072	2.407.373.165
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(10.548.021.558)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>39.609.034.957</b>	<b>57.826.391.045</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	157.439.005	127.940.932
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>252</b>	<b>452</b>

Tại ngày 31/12/2022, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành năm 2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được trình bày lại do ảnh hưởng của trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận, thưởng ban điều hành năm 2021 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2022 như trình bày tại thuyết minh số 6.8 - Thuyết minh Báo cáo tài chính. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm 2021 từ 534 đồng/cổ phiếu xuống 452 đồng/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2021 (Trình bày lại)	Năm 2021 (Đã trình bày)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70.781.785.768	70.781.785.768	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.407.373.165	2.407.373.165	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Trích thưởng HĐQT và BKS)	(10.548.021.558)	-	(10.548.021.558)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>57.826.391.045</b>	<b>68.374.412.603</b>	<b>(10.548.021.558)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	127.940.932	127.940.932	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>452</b>	<b>534</b>	<b>(82)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.220.469.384.389	1.537.108.147.621
Chi phí nhân công	360.952.896.139	394.199.292.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	154.323.431.407	82.316.021.236
Chi phí dự phòng	(319.580.623)	12.193.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.015.717.372.154	2.304.532.562.179
Chi phí khác bằng tiền	196.231.853.415	326.912.386.192
Lợi thế thương mại	7.461.077.236	6.877.525.788
<b>Tổng</b>	<b>3.954.836.434.118</b>	<b>4.651.958.129.002</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nguồn nhân lực Thanh Giang FECON	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng FCC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần FECON Miltec	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	20.096.255.167	21.844.330.331
<b>Tổng</b>		<b>20.096.255.167</b>	<b>21.844.330.331</b>

Trong đó, chi tiết như sau:

**Lương, thù lao của HĐQT**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	2.329.871.504	2.327.559.204
Satoyuki Yamane	Phó chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch ngày 01/8/2022)	1.050.000.000	450.000.000
Hà Thế Phương	Phó chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	462.061.540	1.335.138.465
Trần Trọng Thắng	Phó chủ tịch HĐQT thường trực	1.310.152.916	1.307.778.976
Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên HĐQT độc lập	488.888.884	399.999.996
Hà Thế Lộng	Thành viên HĐQT độc lập	488.888.884	399.999.996
Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)	533.333.334	-
Nguyễn Thị Nghiên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)	529.066.664	-
Nguyễn Song Thanh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	133.333.332	399.999.996
Phùng Tiến Trung	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	133.333.332	399.999.996
Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	133.333.332	399.999.996

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Lương, thù lao của Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)	1.076.378.457	-
Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	469.538.460	1.532.675.134
Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	432.664.723	379.054.377
Trần Công Tráng	Thành viên	399.999.996	399.999.996

**Lương, thù lao của Ban Điều hành**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc	2.319.403.846	2.282.375.000
Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1.695.749.999	1.892.812.500
Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/4/2021)	-	135.000.000
Muôn Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/4/2021)	-	60.000.000
Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc	1.183.947.500	1.201.614.583
Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc	823.202.693	721.197.917
Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc	-	1.195.911.058
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.739.494.231	1.574.490.417
Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.357.538.462	1.141.927.083
Nguyễn Đức Độ	Phó Tổng Giám đốc	90.000.000	-
Đặng Xuân Tình	Giám đốc Thiết bị	54.450.000	-
Nguyễn Thị Nghiên	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính (Đến ngày 28/4/2022)	423.288.462	1.287.010.096

**Thu nhập của Nhân sự công bố thông tin**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguyễn Thái Dũng (Từ ngày 03/5/2022)	Phó ban Tài chính Kế toán	270.659.616	-
Nguyễn Thế Sinh (Đến ngày 02/5/2022)	Phó ban Tài chính Kế toán	167.675.000	128.495.000
Trần Phương (Đến ngày 11/10/2021)	Trưởng ban quan hệ nhà đầu tư & Phát triển thị trường vốn	-	491.290.545



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>01/01/2022 VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>6.247.678.690</b>	<b>16.090.701.168</b>
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	6.247.678.690	16.090.701.168
<b>Phải thu khác</b>		<b>425.337.342.682</b>	<b>4.090.710.166</b>
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	209.123.507	292.490.990
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết	6.128.219.175	3.798.219.176
Ông Hà Thế Phương	Người nội bộ	50.900.000.000	-
Ông Muôn Văn Chiến	Người nội bộ	177.900.000.000	-
Ông Phùng Tiến Trung	Người nội bộ	190.200.000.000	-
<b>Phải thu cho vay</b>		<b>23.300.000.000</b>	<b>23.300.000.000</b>
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Công ty liên kết	23.300.000.000	23.300.000.000
<b>Phải trả người bán</b>		<b>32.544.738.817</b>	<b>74.793.653.951</b>
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Công ty liên kết	32.544.738.817	73.303.809.731
<b>Phải trả khác</b>		<b>755.124.163</b>	<b>744.922.110</b>
Công ty Cổ phần NH2KM (Trước đây là Công ty Cổ phần Nguồn nhân lực Thanh Giang FECON)	Công ty liên kết	755.124.163	744.922.110

**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
<b>Các giao dịch bán hàng</b>				
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	Thuê văn phòng	428.206.957	441.968.128
		Thi công xây lắp	23.138.928.752	31.233.618.436
		Phí bảo Lãnh	268.372.285	193.645.269
		Bán hàng hóa		1.050.750.000
<b>Các giao dịch mua hàng</b>				
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	Thi công xây lắp	31.920.106.406	52.250.189.611
<b>Lãi cho vay</b>				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết	Lãi cho vay	2.329.999.999	2.329.999.999
<b>Lãi vay</b>				
Công ty Cổ phần NH2KM (Trước đây là Công ty Cổ phần Nguồn nhân lực Thanh Giang FECON)	Công ty liên kết	Lãi vay	79.740.492	-
Công ty cổ phần FECON Hoà Yên	Công ty liên kết	Lãi vay	20.611.725	-
			59.128.767	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON**  
Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì  
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

**Người lập biểu**

**Trần Thu Trang**

**Kế toán trưởng**

**Phạm Văn Tùng**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023*

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Thanh**

